

BẢN TIN

# PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Số 05-2019

BỘ CÔNG THƯƠNG  
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI



Chương trình tổng thể về phòng vệ  
thương mại: Việt Nam tuân thủ đầy đủ  
các quy định pháp luật và cam kết  
quốc tế khi áp dụng các biện pháp  
phòng vệ thương mại

Nghiên cứu về lịch sử  
đàm phán các dự thảo  
các quy định về điều tra  
chống lẩn tránh thuế  
chống bán phá giá/chống  
trợ cấp tại GATT/WTO



Nghiên cứu về các hình thức lẩn tránh thuế  
chống bán phá giá/chống trợ cấp



## BỘ CÔNG THƯƠNG CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Cục Phòng vệ thương mại là tổ chức thuộc Bộ Công Thương, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

Với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Quyết định số 3752/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017, Cục Phòng vệ thương mại hoạt động nhằm hỗ trợ, giúp các doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan có liên quan của Việt Nam hiểu rõ hơn về các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là kinh nghiệm trong việc chuẩn bị, ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại do nước ngoài áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng như việc Việt Nam áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng nhập khẩu bảo vệ sản xuất trong nước.

# Mục lục

## TIN TỨC - SỰ KIỆN

- 4** Chương trình tổng thể về phòng vệ thương mại: Việt Nam tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và cam kết quốc tế khi áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại
- 5** Thông tin về việc thực thi phán quyết trong vụ việc giải quyết tranh chấp tôn lạnh (DS496)
- 6** Ấn Độ khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với mặt hàng thép cuộn phẳng mạ nhôm kẽm có nguồn gốc hoặc xuất khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam
- 7** Ca-na-đa ban hành báo cáo cuối cùng vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu
- 8** Thông tin về việc Bộ Thương mại Hoa Kỳ ban hành Kết luận sơ bộ của đợt rà soát thuế chống bán phá giá lần thứ 13 (POR13) đối với tôm nước ấm đông lạnh
- 10** Bộ Công Thương ban hành Quyết định tiến hành điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm ván sợi bằng gỗ có xuất xứ từ Thái Lan và Malaysia (mã số vụ việc AD06)

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 12** Nghiên cứu về các hình thức lẫn tránh thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp
- 20** Nghiên cứu về lịch sử đàm phán các dự thảo các quy định về điều tra chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp tại GATT/ WTO
- 27** Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung: WTO đã có thể là phương thức tốt hơn?

Giấy phép xuất bản số 25/GP-XBBT  
Cấp ngày 11 tháng 4 năm 2019

*Phát hành 1 số/Quý*

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN**

Lê Triệu Dũng  
*Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại*

**Tổ chức sản xuất và phát hành  
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO (CIEW)**

25 Ngô Quyền - Hà Nội  
ĐT: (024) 73037898 - Fax: (024) 7303 7897

**Phát hành tại**

Công ty phát hành báo chí Trung ương

---

*Ban Biên tập Bản tin Phòng vệ thương mại xin trân trọng cảm ơn và nghiêm túc tiếp thu ý kiến đóng góp của độc giả nhằm nâng cao chất lượng của Bản tin. Mọi ý kiến đóng góp, thư từ, tin, bài xin gửi về:*

**Ban Biên tập Bản tin Phòng vệ thương mại**

25 Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 73037898 - Fax: (024) 7303 7897 - Email: ciew@moit.gov.vn



# Chương trình tổng thể về phòng vệ thương mại: Việt Nam tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và cam kết quốc tế khi áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại

**N**gày 28 tháng 3 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Quyết định số 755/QĐ-BCT ban hành “Chương trình tổng thể về sử dụng và ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm hỗ trợ phát triển một số ngành công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025”.

Chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ là các biện pháp được Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các Hiệp định Thương mại tự do và pháp luật của các nước cho phép sử dụng nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, hỗ trợ các ngành sản xuất trong nước. Trong bối cảnh nước ta đang hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu thì các biện pháp phòng vệ thương mại đang trở thành công cụ chính sách quan trọng góp phần tăng cường hiệu quả của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trên cơ sở đó và căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 03 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2903/QĐ-BCT ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Bộ Công Thương về việc ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành Công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018-2020, xét

đến năm 2025, Bộ Công Thương đã phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng “Chương trình tổng thể về sử dụng và ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm hỗ trợ phát triển một số ngành công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025” (Chương trình tổng thể về phòng vệ thương mại).

Chương trình tổng thể về phòng vệ thương mại nhấn mạnh việc thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại để hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam cần dựa trên việc nhận thức đầy đủ, vận dụng đúng đắn chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về các biện pháp phòng vệ thương mại, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và cam kết quốc tế. Chương trình nêu rõ các cơ chế, chính sách về các biện pháp phòng vệ thương mại đối với các ngành công nghiệp cần gắn liền với chiến lược, chính sách phát triển công nghiệp quốc gia, đặc biệt là các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp phụ trợ, các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trên cơ sở các quan điểm này, Chương trình tổng thể về phòng vệ thương mại đưa ra 05 nhóm nhiệm vụ về (i) xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách và thể chế về phòng vệ thương mại; (ii) tăng cường thực thi các quy định pháp luật về phòng vệ

thương mại; (iii) nâng cao năng lực sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại cho ngành công nghiệp trong nước; (iv) nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại của các cơ quan quản lý Nhà nước; và (v) tăng cường bảo vệ lợi ích của các ngành công nghiệp để ứng phó với các vụ việc phòng vệ thương mại của nước ngoài.

Các nhóm nhiệm vụ trên được cụ thể hóa thành các chương trình, hoạt động cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu chính là hỗ trợ phát triển, nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp quốc gia; tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi của các Hiệp định Thương mại tự do; nâng cao năng lực sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại; ứng phó hiệu quả các vụ kiện phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ các ngành công nghiệp trong nước; nâng cao kiến thức về phòng vệ thương mại cho cán bộ, công chức, nhân viên ở cơ quan quản lý Nhà nước các cấp.

Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương được giao nhiệm vụ làm đơn vị đầu mối đôn đốc, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện Chương trình tổng thể về phòng vệ thương mại./.

*(Phòng Điều tra bán phá giá và trợ cấp)*



## Thông tin về việc thực thi phán quyết trong vụ việc giải quyết tranh chấp tôn lạnh (DS496)

**N**gày 27 tháng 3 năm 2019, In-đô-nê-xi-a đã ban hành Thông báo số 26/PMK.010/2019 sửa đổi Thông báo số 130/PMK.010/2017 nhằm thực thi phán quyết trong vụ việc giải quyết tranh chấp biện pháp tự vệ áp dụng với sản phẩm sắt, thép không hợp kim cán phẳng, mã HS: 7210.61.11 (thường được gọi là sản phẩm tôn lạnh) với mã vụ việc là DS496.

Theo Thông báo số 26/PMK.010/2019, biện pháp áp thuế

nói trên sẽ *hết hiệu lực* vào ngày 27 tháng 3 năm 2019.

Sau gần 04 năm đấu tranh theo cơ chế giải quyết tranh chấp tại WTO (khởi kiện từ tháng 6 năm 2015), Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực, có ý nghĩa quan trọng, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam giảm thiểu khó khăn trước các biện pháp phòng vệ thương mại do nước ngoài điều tra, áp dụng, đặc biệt là In-đô-nê-xi-a.

Kết quả này không chỉ có lợi cho các doanh nghiệp trong vụ việc hiện tại mà còn tạo ra tiền lệ tích cực

cho việc đấu tranh chống lại các vụ việc tương tự và tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ có xu hướng gia tăng.

Bộ Công Thương xin trân trọng cảm ơn cộng đồng doanh nghiệp đã đồng hành cùng Bộ Công Thương trong suốt thời gian theo đuổi vụ kiện và xin thông báo để các doanh nghiệp biết và có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp trong thời gian tới./.



# Ấn Độ khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với mặt hàng thép cuộn phẳng mạ nhôm kẽm có nguồn gốc hoặc xuất khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam

**N**gày 02 tháng 4 năm 2019, Tổng vụ Phòng vệ thương mại Ấn Độ (DGTR) đã khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá sản phẩm thép cuộn phẳng mạ nhôm kẽm có nguồn gốc hoặc xuất khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam.

Một số thông tin chung về vụ việc:

**1. Ngày trong thông báo khởi xướng điều tra:** 02/04/2019.

**2. Sản phẩm bị điều tra:** Thép mạ nhôm kẽm: gồm các mã HS: 72106100, 72125090, 72259900, 72269990, 72101290, 72103090, 72104900, 72106900, 72107000, 72109090, 72121090, 72122090, 72123090, 72124000, 72169910, 72255010, 72259100, 72259200, 72269930.

**3. Nguyên đơn:** JSW Steel coated Products Limited

**4. Cáo buộc của nguyên đơn:** Nguyên đơn cho rằng sản phẩm bị điều tra từ các nước nói trên đang bị bán phá giá vào thị trường Ấn Độ và gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

**5. Thời kỳ điều tra (POI):** từ 1/10/2017 đến 30/9/2018.

DGTR cho biết đã gửi bản câu hỏi và tài liệu liên quan đến các nhà xuất khẩu mà cơ quan biết và yêu cầu các bên liên quan cung cấp thông tin, trả lời bản câu hỏi và gửi cơ quan điều tra trong vòng là **40 ngày** kể từ ngày đăng công báo.

Trong vụ việc này, do nguyên đơn cáo buộc Việt Nam không phải là nền kinh tế thị trường nên cơ quan

điều tra đề nghị các nhà xuất khẩu cung cấp thêm các thông tin chi phí, nguyên liệu đầu vào, nhân công, sản lượng sản xuất, đầu tư v...v để tiến hành xem xét, phân tích, đánh giá vấn đề này (chi tiết trong Thông báo đính kèm).

Địa chỉ để nhận thông tin, tài liệu, bản trả lời câu hỏi:

*The Designated Authority,  
Directorate General of Trade Remedies,  
Ministry of Commerce & Industry,  
Department of Commerce  
Government of India  
4th Floor, Jeevan Tara  
Building, 5, Parliament Street,  
New Delhi-110001*

Trong trường hợp không nhận được phản hồi/bản trả lời trong thời gian nêu trên hoặc doanh nghiệp không hợp tác, cơ quan điều tra có thể sẽ dựa trên các dữ kiện có sẵn để đưa ra kết luận về vụ việc. Do vậy, Cục Phòng vệ thương mại khuyến nghị các

doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm bị điều tra có liên quan của Việt Nam tham gia hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra Ấn Độ trong suốt quá trình vụ việc để đạt được kết quả tốt nhất.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ:

Phòng Xử lý phòng vệ thương mại nước ngoài – Cục Phòng vệ thương mại

Địa chỉ: 25 Ngô Quyền – Hà Nội

Điện thoại: (04) 73037898 (Anh Việt Anh – máy lẻ 120).

*(Phòng Xử lý phòng vệ thương mại nước ngoài)*



# Ca-na-đa ban hành báo cáo cuối cùng vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu

**N**gày 04/04/2019, Tòa án thương mại quốc tế Ca-na-đa (CITT) đã công bố báo cáo cuối cùng trong vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với một số sản phẩm thép.

Theo đó, CITT kết luận rằng các sản phẩm **thép không hợp kim cán phẳng, cán nóng dạng cuộn** (có các mã HS 7208.51.00.10; 7208.51.00.93; 7208.51.00.94; 7208.51.00.95; 7208.52.00.10; 7208.52.00.93; 7208.52.00.96) và các sản phẩm **dây thép không gỉ** (có mã HS 7223.00.00.10; 7223.00.00.20) nhập khẩu từ các nước (ngoại trừ Hàn Quốc, Panama, Peru, Colombia, Honduras và các nước được hưởng thuế quan ưu đãi phổ cập) sẽ bị áp dụng biện pháp tự vệ dưới hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ) trong thời kỳ 3 năm do các sản phẩm này có sự gia tăng nhập khẩu đáng kể và nguyên nhân gây ra thiệt hại/đe dọa thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước. Các nhóm sản phẩm còn lại không bị áp dụng biện pháp do CITT xác định không có sự gia tăng nhập khẩu/không tồn tại thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước.

CITT cho biết sẽ loại trừ các sản phẩm nhập khẩu và có xuất xứ từ các nước đang phát triển hưởng Thuế

quan ưu đãi phổ cập (GSP- General Preferential Tariff) trong trường hợp: (i) lượng nhập khẩu hàng hoá bị điều tra từ các nước này nhỏ hơn 3% tổng lượng nhập khẩu hàng hoá bị điều tra vào Ca-na-đa, và (ii) tổng lượng nhập khẩu hàng hoá bị điều tra từ các nước trong nhóm (i) không vượt quá 9% tổng lượng nhập khẩu hàng hoá bị điều tra vào Ca-na-đa. Việt Nam là nước đang phát triển thuộc danh sách các nước được hưởng thuế quan ưu đãi phổ cập và lượng xuất khẩu của Việt Nam là không đáng kể, do đó Việt Nam được loại trừ khỏi biện pháp áp dụng đối với hai nhóm nói trên.

Trước đó, ngày 11/10/2018, CITT đã thông báo khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu theo quy định tại Điều 20(a) của Đạo luật Tòa án thương mại quốc tế Ca-na-đa đối với 07 nhóm sản phẩm thép sau:

**Thép hợp kim hoặc không hợp kim cán phẳng có các mã HS** 7208.51.00.10; 7208.51.00.93; 7208.51.00.94; 7208.51.00.95; 7208.52.00.10; 7208.52.00.93; 7208.52.00.96; 7225.40.00.10; 7225.40.00.20; 7225.40.00.30; 7225.40.00.40; 7225.40.00.50.

**Thép không hợp kim dạng thanh và que có các mã HS** 7213.10.00.00; 7214.20.00.00

**Ống, ống dẫn và thanh hình ống có các mã HS:** 7304.19.00.10; 7304.19.00.20; 7304.29.00.11; 7304.29.00.19; 7304.29.00.21; 7304.29.00.29; 7304.29.00.31; 7304.29.00.39; 7304.29.00.81; 7304.29.00.89; 7305.11.00.10; 7305.11.00.20; 7305.12.00.10; 7305.12.00.30; 7305.19.00.10; 7305.19.00.20; 7306.19.00.10; 7306.19.00.90; 7306.29.00.11; 7306.29.00.19; 7306.29.00.51; 7306.29.00.59; 7306.29.00.61; 7306.29.00.69.

**Tấm thép hợp kim hoặc không hợp kim cán nóng có các mã HS** 7208.25.00.00; 7208.26.00.00; 7208.27.00.00; 7208.36.00.00; 7208.37.00.10; 7208.37.00.20; 7208.37.00.50; 7208.38.00.10; 7208.38.00.20; 7208.38.00.50; 7208.39.00.00; 7208.53.00.00; 7208.54.00.00; 7208.90.00.00; 7211.14.00.90; 7211.19.00.90; 7225.30.00.00; 7226.91.00.00.

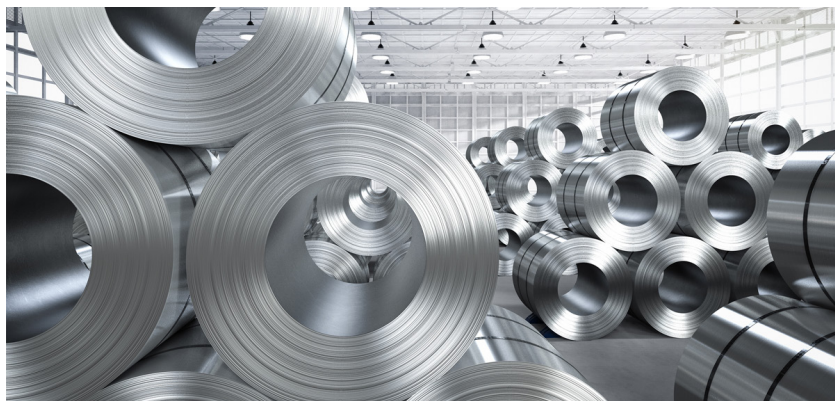
**Thép không hợp kim cán phẳng, đã phủ, mạ hoặc tráng:** 7210.70.00.00; 7212.40.00.00

**Dây thép không gỉ có các mã HS** 7223.00.00.10; 7223.00.00.20

**Thép dạng thanh hoặc que cán nóng có các mã HS** 7213.20.00.10; 7213.91.00.11; 7213.91.00.21; 7213.91.00.31; 7213.99.00.10; 7213.99.00.30; 7213.99.00.50; 7227.90.00.10

Thời kỳ điều tra: 01/01/2015 đến 01/01/2018.

(Phòng Xử lý phòng vệ thương mại nước ngoài)







**Thông tin về việc Bộ Thương mại  
Hoa Kỳ ban hành Kết luận sơ bộ  
của đợt rà soát thuế chống bán phá  
giá lần thứ 13 (POR13) đối với tôm  
nước ấm đông lạnh**



**N**gày 09 tháng 4 năm 2018, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã đăng công báo kết luận sơ bộ đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 13 (POR13) cho giai đoạn rà soát từ 01/02/2017 – 31/01/2018 đối với tôm nước ấm đông lạnh của Việt Nam.

Mức thuế sơ bộ dành cho 02 bị đơn bắt buộc trong đợt rà soát này đều ở mức 0%. Mức thuế suất riêng rẽ áp dụng cho các công ty còn lại không được chọn mẫu mà thỏa mãn điều kiện được hưởng thuế suất riêng rẽ (29 công ty) cũng ở mức 0%. Mức thuế toàn quốc được giữ nguyên so với các đợt rà soát trước đó là 25,76% do trong không có bên liên quan nào đề nghị rà soát lại mức thuế này. Trong POR13, DOC sử dụng giá trị thay thế

của Ấn Độ để xác định giá trị thông thường.

Mức thuế sơ bộ nêu trên được đánh giá là tín hiệu tích cực đối với các doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu tôm Việt Nam, đặc biệt khi tất cả các doanh nghiệp nhận thuế suất riêng rẽ cũng nhận được mức thuế suất 0%. Trong 13 đợt rà soát tôm từ trước đến nay, đây là lần thứ 03 (sau POR6 và POR7) DOC xác định các doanh nghiệp nhận thuế suất riêng rẽ không bán phá giá. Mức thuế tạm thời 0% đối với tôm góp phần tạo động lực cho các doanh nghiệp sản xuất/ xuất khẩu tôm Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh xu hướng bảo hộ đang có diễn biến phức tạp (trong giai đoạn rà soát, giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Hoa Kỳ khoảng 600 triệu USD).

Tuy nhiên, cần lưu ý trong trường hợp biên độ phá giá của tất cả các bị đơn bắt buộc là 0% hoặc sử dụng dữ liệu sẵn có bất lợi, pháp luật chống bán phá giá của Hoa Kỳ không bắt buộc mức thuế riêng rẽ phải xác định dựa trên mức thuế suất của các bị đơn này (tức là, có thể loại các bị đơn bắt buộc có biên độ phá giá 0% và có biên độ phá giá tính theo dữ liệu sẵn có bất lợi khi tính bình quân gia quyền thuế suất cho các bị đơn riêng rẽ). Do đó, các doanh nghiệp tôm và Hiệp hội cần xem xét tiếp tục phối hợp và làm việc với DOC trong giai đoạn điều tra cuối cùng của vụ việc để giữ được mức thuế này.

*(Phòng Xử lý phòng vệ thương mại nước ngoài)*







**Bộ Công Thương ban hành Quyết định tiến hành điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm ván sợi bằng gỗ có xuất xứ từ Thái Lan và Malaysia (mã số vụ việc AD06)**



**N**gày 16 tháng 4 năm 2019, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 940/QĐ-BCT về việc tiến hành điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm ván gỗ công nghiệp (thường được gọi là ván gỗ MDF) có xuất xứ từ Thái Lan và Ma-lay-xi-a nhập khẩu vào Việt Nam.

Vụ việc được khởi xướng điều tra dựa trên Hồ sơ yêu cầu do đại diện ngành sản xuất trong nước nộp vào ngày 18 tháng 10 năm 2018. Bên yêu cầu là 04 công ty đại diện cho ngành sản xuất ván gỗ công nghiệp Việt Nam gồm: Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang, Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Dongwha, Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị và Công ty Cổ phần Kim Tín MDF.

Bên yêu cầu đã cáo buộc các sản phẩm ván gỗ công nghiệp nhập khẩu từ Thái Lan và Malaysia đã và đang bán phá giá vào thị trường Việt Nam với biên độ phá giá từ 18,59% đến 50,6% và việc bán phá giá này là nguyên nhân chính gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất ván gỗ công nghiệp của Việt Nam.

#### ***Các bước tiếp theo:***

Theo quy định pháp luật, sau khi khởi xướng điều tra, Bộ Công Thương sẽ gửi bản câu hỏi điều tra cho các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm

phân tích, đánh giá các nội dung cáo buộc gồm: hành vi bán phá giá của các doanh nghiệp xuất khẩu của Thái Lan và Ma-lay-xi-a; thiệt hại của ngành sản xuất ván gỗ công nghiệp Việt Nam và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá và thiệt hại của ngành sản xuất ván gỗ công nghiệp.

Trong trường hợp cần thiết, căn cứ vào kết quả điều tra sơ bộ, Bộ Công Thương có thể áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời để ngăn chặn hành vi bán phá giá tiếp tục gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

Bộ Công Thương sẽ thực hiện việc thẩm tra, xác minh lại các thông tin do các bên liên quan cung cấp trước khi hoàn thành kết luận điều tra chính thức về vụ việc. Đồng thời, Bộ Công Thương cũng sẽ tổ chức tham vấn công khai để các bên liên quan trực tiếp trao đổi, cung cấp thông tin, bày tỏ quan điểm về vụ việc trước khi đưa ra kết luận cuối cùng về vụ việc.

Bộ Công Thương khuyến nghị tất cả các tổ chức, cá nhân đang xuất nhập khẩu, phân phối, kinh doanh, sử dụng hàng hóa bị điều tra đăng ký làm bên liên quan và cung cấp các thông tin cần thiết tới Bộ Công Thương để đảm bảo quyền và lợi ích của mình theo quy định của pháp luật.

Bộ Công Thương có thể áp dụng thuế chống bán phá giá có hiệu lực trở về trước đối với hàng hóa bị áp thuế trong thời hạn 90 ngày trước khi áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời. Vì vậy, Bộ Công Thương khuyến cáo các tổ chức, cá nhân trong quá trình ký kết hợp đồng nhập khẩu, phân phối, kinh doanh, sử dụng hàng hóa bị điều tra cần lưu ý về khả năng áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời và thuế chống bán phá giá có hiệu lực trở về trước.

Các thông tin cụ thể liên quan đến vụ việc, vui lòng xem tại Quyết định và Thông báo đính kèm.

#### ***Thông tin liên hệ:***

Phòng Điều tra bán phá giá và trợ cấp

Cục Phòng vệ thương mại – Bộ Công Thương

**Địa chỉ:** 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**Điện thoại:** +84(24)73037898, **máy lẻ:** 128 (chị Vũ Quỳnh Giao và chị Nguyễn Thị Phụng Trang)

Email: [giaoqv@moit.gov.vn](mailto:giaoqv@moit.gov.vn); [trangntp@moit.gov.vn](mailto:trangntp@moit.gov.vn).

**(Phòng Điều tra bán phá giá và trợ cấp)**





# Nghiên cứu về các hình thức lẫn tránh thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp

## I. Khái niệm cơ bản về chống bán phá giá, chống trợ cấp, lẫn tránh thuế CBPG/CTC

Hành vi phá giá, trợ cấp được coi là thương mại không lành mạnh do bóp méo cạnh tranh bằng cách bán phá giá và/hoặc bán hàng được trợ cấp tại thị trường nước ngoài, gây thiệt hại đến nền kinh tế nước nhập khẩu, do đó, đã được một số nước điều chỉnh thông qua luật CBPG, CTC từ đầu những năm 1900.<sup>1</sup> Các biện pháp CBPG/CTC được sử dụng để bảo vệ ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu thông qua việc áp thuế CBPG/CTC như là một biện pháp để khắc phục các thiệt hại gây ra bởi hàng nhập khẩu đã trở thành biện pháp hữu hiệu và phổ biến cho các nước nhập khẩu nhằm tạo ra một môi trường

<sup>1</sup> Ví dụ, Canada (1904), New Zealand (1905), Úc (1906), Hoa Kỳ (1916), Nam Phi, Anh (1921).



cạnh tranh công bằng cho ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu, đặc biệt trong thời gian gần đây khi xu hướng tự do hoá thương mại ngày càng gia tăng. Ở cấp độ quốc tế, các quy định điều chỉnh vấn đề CBPG/CTC được quy định tại Điều VI Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) 1994 và Hiệp định Thực thi Điều VI của GATT 1994- còn gọi là Hiệp định Chống bán phá giá (Antidumping Agreement-ADA), Hiệp định về các biện pháp Trợ cấp và đối kháng (Subsidy and Countervailing measures Agreement-SCMA).

- **Phá giá:** hành vi bán hàng hóa ở trong nước với giá cao hơn giá khi xuất khẩu. Theo WTO (Điều VI:1 của GATT 1994 và Điều 2.1 Hiệp định ADA), “phá giá” được định nghĩa là khi sản phẩm của một nước được bán tại một nước khác (giá xuất khẩu) với giá thấp hơn trị giá thông thường của sản phẩm tương tự (giá bán tại thị trường trong nước) (tức là giá xuất khẩu < giá bán nội địa), trong điều kiện thương mại thông thường. Điều kiện để áp dụng biện pháp chống bán phá giá là: có hành vi phá giá; gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho một ngành sản xuất đã hình thành tại nước nhập khẩu hoặc gây cản trở đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất nước nhập khẩu và có *mối quan hệ nhân quả* giữa hành vi phá giá và thiệt hại bị cáo buộc.<sup>2</sup>

- **Trợ cấp:** theo Hiệp định SCM (WTO), trợ cấp được hiểu là bất kỳ hỗ trợ tài chính nào của Nhà nước hoặc một tổ chức công (trung ương hoặc địa phương) mang lại lợi ích cho doanh nghiệp/ngành sản xuất: (i) Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền chuyển ngay (ví dụ cấp vốn, cho vay, góp cổ phần) hoặc hứa chuyển (ví dụ bảo lãnh cho các khoản vay); (ii) Miễn hoặc cho qua những khoản thu lẽ ra phải đóng (ví dụ ưu đãi thuế, tín dụng); (iii) Mua hàng, cung cấp các dịch vụ hoặc hàng hoá (trừ hạ tầng kỹ thuật chung); (iv) Thanh toán tiền cho một nhà tài trợ hoặc giao cho một đơn vị tư nhân tiến hành các hoạt động (i), (ii), (iii) nêu trên theo cách

thức mà Chính phủ vẫn làm. Các khoản hỗ trợ này được hiểu là mang lại lợi ích cho đối tượng được hưởng hỗ trợ nếu nó được thực hiện theo cách mà một nhà đầu tư tư nhân, một ngân hàng thương mại... bình thường sẽ không khi nào làm như vậy vì đi ngược lại những tính toán thương mại thông thường.

Biện pháp chống trợ cấp (còn gọi là biện pháp đối kháng) được nước nhập khẩu áp dụng đối với một loại hàng hoá nhập khẩu từ một nước nhất định khi có những nghi ngờ rằng hàng hoá đó được trợ cấp, trợ cấp đó là riêng biệt và gây thiệt hại/đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất sản phẩm tương tự của nước nhập khẩu.

Tóm lại, biện pháp CBPG/CTC là biện pháp áp dụng đối với sản phẩm nhập khẩu khi sản phẩm nhập khẩu bán phá giá và/hoặc nhận trợ cấp từ Chính phủ nước xuất khẩu và gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu và nhằm bảo hộ ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu.

Hành vi phá giá và trợ cấp không phải bị cấm theo quy định của WTO, và chỉ bị áp thuế nếu gây thiệt hại cho ngành sản xuất của nước nhập khẩu. Quy định này của WTO nhằm hạn chế việc các nước lạm dụng việc áp dụng các biện pháp CBPG, CTC. Tuy nhiên, số liệu ngày càng gia tăng của các biện pháp này (5.529 vụ CBPG<sup>3</sup> và 486 vụ CTC<sup>4</sup>) cho thấy tầm quan trọng của việc sử dụng các công cụ này trong thương mại quốc tế. Có hai lý do chính lý giải cho hiện tượng này là: (1) việc mở cửa thị trường khiến các hàng rào thuế quan ngày càng được hạ thấp và dỡ bỏ các biện pháp phi thuế quan (hạn ngạch, thủ tục hải quan...) giảm mạnh khiến lượng hàng nhập khẩu sẽ có xu hướng gia tăng, (2) bên cạnh đó, biện pháp CBPG, CTC được WTO cho phép nhằm khắc phục những thiệt hại gây ra bởi hàng nhập khẩu đối với ngành sản xuất trong nước, do đó, biện pháp CBPG, CTC

là một vũ khí hiệu quả để ngành sản xuất trong nước tận dụng.

Biện pháp CBPG, CTC có thể được áp dưới dạng: thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp hoặc cam kết.

Ở chiều ngược lại, đối với các nhà xuất khẩu và nước xuất khẩu, khi hàng hóa xuất khẩu của họ gia tăng, họ càng phải đối mặt với áp lực, nguy cơ bị kiện CBPG, CTC.

- **Lấn tránh biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp:** có thể được hiểu là hành vi lẩn tránh nguồn gốc hàng hóa đang bị nước nhập khẩu áp dụng biện pháp CBPG và/hoặc CTC nhằm lẩn tránh thuế CBPG/CTC, gây trở ngại trong việc thực thi đối với cơ quan hải quan của nước nhập khẩu.

‘Lấn tránh’ là ‘tìm cách để tránh một quy định hoặc một sự khó khăn’<sup>5</sup>. Theo đó, lẩn tránh thể hiện một tình huống là tìm cách đạt được tình trạng tốt hơn thông qua gian lận hoặc thủ thuật nào đó.<sup>6</sup> Thuật ngữ ‘lấn tránh’ do đó liên quan đến hành vi thực hiện nhằm mục đích lẩn tránh.

Khi hàng hóa xuất khẩu là đối tượng áp thuế CBPG/CTC thì các nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài thường cố gắng làm giảm thiểu tác động tiêu cực của biện pháp đối với hoạt động thương mại của doanh nghiệp thông qua hành vi lẩn tránh các biện pháp CBPG/CTC (gọi ngắn gọn là lẩn tránh thuế).

Hành vi lẩn tránh thuế có thể thông qua việc thay đổi hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng biện pháp CBPG/CTC hoặc chuyển toàn bộ hay một phần quá trình sản xuất/gia công của sản phẩm đó từ nước đang bị áp thuế CBPG/CTC (nước xuất khẩu) đến các thị trường khác bên cạnh thị trường của nước xuất khẩu, hoặc tìm mọi cách để phá vỡ hoặc làm vô hiệu hóa tác dụng của biện pháp.

Tóm lại, hành vi lẩn tránh thuế CBPG/CTC sẽ làm giảm hoặc triệt tiêu hiệu quả của việc áp dụng biện pháp CBPG/CTC nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước hàng nhập khẩu.

- **Biện pháp chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp:** Các biện pháp để ứng phó với

3 [https://www.wto.org/english/tratop\\_e/adp\\_e/adp\\_e.htm](https://www.wto.org/english/tratop_e/adp_e/adp_e.htm).

4 [https://www.wto.org/english/tratop\\_e/scm\\_e/scm\\_e.htm](https://www.wto.org/english/tratop_e/scm_e/scm_e.htm).

5 Từ điển hiện đại Oxford.

6 Từ điển từ vựng Macquaire.

hành vi lẫn tránh thuế CBPG/CTC (gọi ngắn gọn là biện pháp chống lẫn tránh thuế) đã được cơ quan có thẩm quyền các nước điều chỉnh tại các văn bản pháp luật và áp dụng trên thực tiễn thông qua các vụ việc điều tra. Biện pháp chống lẫn tránh thuế CBPG/CTC là biện pháp sử dụng để chống lại hoặc loại bỏ tác động tiêu cực của các hành vi cố ý lẫn tránh biện pháp CBPG/CTC mà nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài thực hiện dưới các hình thức khác nhau. Bản chất của biện pháp này nhằm mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp CBPG/CTC để bao gồm thêm không chỉ các sản phẩm đã bị điều tra trong vụ kiện gốc (vụ kiện ban đầu) mà cả những sản phẩm gần giống của doanh nghiệp xuất khẩu bị đơn hoặc các sản phẩm tương tự nhưng có nguồn gốc xuất xứ từ các nước xuất khẩu khác.

Vấn đề lẫn tránh thuế CBPG/CTC và biện pháp chống lẫn tránh thuế CBPG/CTC là vấn đề tương đối mới, phức tạp. Hiện nay, một số nước có quy định pháp luật (nội luật) và đã thực thi áp dụng luật này. Tuy nhiên, hiện tại WTO không có quy định riêng về hành vi lẫn tránh thuế CBPG/CTC và các biện pháp chống lẫn tránh thuế CBPG/CTC. ADA và SCMA cũng không quy định cụ thể về vấn đề biện pháp lẫn tránh thuế CBPG/CTC và chống lẫn tránh thuế CBPG/CTC. Trong vòng đàm phán Uruguay, các bên đã đưa ra được một bản dự thảo sửa đổi Đạo luật Chống bán phá giá 1979 (Antidumping Code) thông qua Dự thảo Dunkel về Đạo luật cuối cùng (Dunkel Draft Final Act) để cho phép có một số biện pháp làm ngăn chặn việc lẫn tránh thuế CBPG với hàng nhập khẩu. Tuy nhiên, sau đó Quyết định của các Bộ trưởng (Ministerial Decision)<sup>7</sup> được thông qua vào cuối vòng đàm phán đã thay thế quy định chống lẫn tránh thuế trong dự thảo nói trên. Quyết định Bộ trưởng này nhấn mạnh rằng do không thống nhất được việc đưa ra các quy định chống lẫn tránh thuế tại ADA trong

vòng đàm phán Uruguay, các thành viên WTO cần phải nỗ lực để xử lý vấn đề lẫn tránh và chống lẫn tránh. Tuy nhiên, dù có quan ngại về vấn đề chống lẫn tránh như đã được thể hiện tại Quyết định của Bộ trưởng, cụm từ “lẩn tránh các biện pháp chống bán phá giá” sử dụng vẫn còn chưa rõ ràng vì thiếu định nghĩa về lẩn tránh hoặc phạm vi áp dụng các biện pháp chống lẫn tránh. Do đó, có thể thấy việc xác định các hành vi lẫn tránh sẽ tùy thuộc vào nội luật của từng nước và giúp các thành viên WTO có thẩm quyền không hạn chế liên quan đến việc định nghĩa thuật ngữ ‘lẩn tránh’.

Nguyên tắc tương tự cũng được hiểu là áp dụng cho điều tra chống lẫn tránh thuế chống trợ cấp.<sup>8</sup>

## **II. Các hình thức lẫn tránh thuế chống bán phá giá/ chống trợ cấp**

### **2.1 Phân loại chung**

Có rất nhiều cách để các nhà xuất khẩu của nước đang bị áp thuế thực hiện hành vi lẫn tránh thuế CBPG/CTC. Ví dụ, công ty X (của nước A) xuất khẩu sản phẩm Y sang nước B và bị nước B áp thuế CBPG/CTC, có thể xuất hiện hành vi lẫn tránh (4 loại) cơ bản sau:

Công ty X chuyển/xuất khẩu từng linh phụ kiện rời của sản phẩm Y sang chi nhánh của mình tại nước B (gọi là Công ty X-B), sau đó X-B lắp ráp mặt sản phẩm Y từ các linh phụ kiện nhập khẩu này. Trong trường hợp này, nước B không thể áp thuế CBPG/CTC đối với linh phụ kiện lắp ráp sản phẩm Y vì linh phụ kiện không thể được xem là sản phẩm tương tự (like products) với sản phẩm Y do có các đặc điểm, tính chất vật lý khác nhau;

Công ty X xuất khẩu các linh phụ kiện rời của sản phẩm Y sang một công ty liên quan tại nước C (Công ty X-C). X-B sau đó nhập khẩu các linh phụ kiện từ X-C và tiến hành lắp ráp tại nước B. Trong trường hợp này, nước B không thể áp thuế CBPG/CTC đối với sản phẩm Y do hàng hóa được sản xuất tại nước C không thuộc

nhóm các nước/vùng lãnh thổ bị áp thuế của vụ việc điều tra CBPG/CTC (nước A);

Công ty X chuyển một phần hoặc toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm Y từ nước A sang nước B hoặc nước C để bán tại nước B hoặc xuất khẩu từ nước C sang nước B. Khác với hai trường hợp nêu trên, trường hợp này phức tạp hơn do các nhà sản xuất xuất khẩu lẫn tránh thuế thông qua di chuyển dây chuyền sản xuất nhằm thay đổi nguồn gốc xuất khẩu của hàng hóa, do đó nước B không thể áp thuế CBPG/CTC đang áp đối với hàng nhập từ nước C hoặc sản phẩm được sản xuất tại thị trường nội địa nước B.

Công ty X thay đổi một vài đặc tính không đáng kể của sản phẩm Y, nhằm tạo ra một mặt hàng mới (nhưng thực chất là biến thể của sản phẩm Y) và xuất khẩu sang nước B.

Nhìn chung, các hành vi lẫn tránh như vậy có thể có những cách phân loại sau<sup>9</sup>:

- lẫn tránh đơn giản và lẫn tránh phức tạp (dựa trên mức độ phức tạp trong các phương pháp lẫn tránh được sử dụng).

Lẩn tránh đơn giản liên quan đến các phương pháp đơn giản do nhà xuất khẩu/nhà sản xuất sử dụng để lẫn tránh thuế, ví dụ *chuyển tải, thông báo mã hải quan sai và các hình thức gian lận khác*- hành vi này đã bị hầu hết các thành viên WTO coi là lẩn tránh.<sup>10</sup>

Ngược lại, lẩn tránh phức tạp bao gồm *sửa đổi nhỏ, lẫn tránh thông qua nước thứ 3, sản phẩm phát triển sau (phiên bản sau) (later-developed product), thay đổi giá các dạng khác nhau của sản phẩm (fictitious markets)*...Hành vi lẫn tránh phức tạp này rất gây tranh cãi khi các thành viên WTO thảo luận về vấn đề lẫn tránh thuế do thường liên quan đến *đầu tư trực tiếp nước ngoài* (FDI) và do đó khó để phân biệt với hành vi thương mại thông thường hơn.

7 Quyết định về chống lẫn tránh, ngày 15/12/1993 quy định: “Các Bộ trưởng hiểu rằng khi vấn đề lẫn tránh biện pháp chống bán phá giá cấu thành một phần của đàm phán Hiệp định thực thi Điều VI GATT 1994, các nhà đàm phán đã không thể thống nhất về lời văn cụ thể. Các Bộ trưởng cũng hiểu mong muốn về việc áp dụng các quy định thống nhất trong

linh vực này càng sớm càng tốt, do đó, quyết định đưa vấn đề này ra Hội đồng về các Hành vi chống bán phá giá được thành lập theo Hiệp định nói trên để giải quyết”

8 Vụ việc EU điều tra chống lẫn tránh thuế CBPG và CTC với màng PET từ Ấn Độ (2004).

9 Tham khảo Yanning Yu (2008).

10 Những loại này đã được chấp nhận bởi các thành viên WTO mà phản đối việc đưa các quy định về lẫn tránh thuế vào Hiệp định ADA hiện tại, ví dụ Nhật Bản. Xem WTO, G/ADP/IG/W/0 ngày 28/4/1998, quan điểm của Nhật Bản



- lẫn tránh liên quan đến *sản phẩm*, lẫn tránh liên quan đến *nước*.

Cách phân loại này liên quan đến hai yếu tố quan trọng trong một lệnh áp thuế CBPG/CTC.

Do thuế CBPG/CTC thường áp với một *sản phẩm* nhất định, theo quy định tại ADA, SCMA yêu cầu phải xác định có hành vi phá giá/trợ cấp và có thiệt hại đối với sản phẩm “tương tự” (like product) để kết luận về việc có cần thiết phải áp thuế CBPG/CTC hay không. Theo đó, sản phẩm tương tự là “một sản phẩm mà giống ở mọi khía cạnh với sản phẩm bị điều tra, hoặc, nếu không có sản phẩm nào như thế, thì là một sản phẩm khác mà mặc dù không giống ở mọi khía cạnh nhưng có các đặc điểm gần giống với sản phẩm bị điều tra.”<sup>11</sup> Một số hành vi lẫn tránh thuộc phân loại này vì liên quan đến phạm vi sản phẩm: (i) lẫn tránh *side stream* (lẫn tránh mà có sự sửa đổi hoặc thay đổi nhỏ với sản phẩm hoặc với sản phẩm phát triển sau này); (ii) lẫn tránh *thượng nguồn* (upstream), xảy ra khi nhà xuất khẩu/sản xuất xây dựng nhà máy lắp ráp ở nước nhập khẩu và vận chuyển các linh kiện chưa được lắp ráp của sản phẩm mà không bị áp thuế CBPG/CTC tới nhà máy này, sau đó lắp ráp tại nước nhập khẩu sử dụng các kỹ thuật, công nghệ rất cơ bản với rất ít trị giá gia tăng; (iii) và lẫn tránh *hạ nguồn* (downstream), xảy ra khi nhà xuất khẩu/sản xuất xuất khẩu sản phẩm có chứa linh kiện thuộc phạm vi áp thuế CBPG/CTC.

Ngoài ra, một yếu tố quan trọng khác là vấn đề “nước cụ thể” hoặc “nhà sản xuất cụ thể”, ví dụ *chuyển tải*, lẫn tránh thông qua nước thứ ba và lẫn tránh qua *hệ thống các công ty đa quốc gia* (country-hopping) vv. Điều này xảy ra vì thuế CBPG/CTC được áp đối với một sản phẩm cụ thể từ một nước cụ thể<sup>12</sup>, và “sản phẩm tương tự” nếu được xuất khẩu từ nước khác (không thuộc nước bị điều tra) thì không bị áp thuế CBPG/CTC.

Do đó, một số hành vi lẫn tránh liên quan đến việc chuyển đổi sang nước thứ 3. Một mặt, các hành vi này cũng liên quan đến quy tắc xuất xứ vì các sản phẩm có thể được thay đổi nhãn mác xuất xứ một cách dễ dàng nếu áp dụng quy tắc xuất xứ để chứng minh sản phẩm đó đáp ứng các quy tắc để được coi là có xuất xứ từ nước thứ 3. Điều này thậm chí có thể đúng trong trường hợp chỉ một bộ phận nhỏ của sản phẩm bị nghi ngờ lẫn tránh là được lắp ráp, gia công tại nước thứ 3.<sup>13</sup> Vấn đề còn phức tạp hơn khi phải phân biệt rõ 2 khái niệm ‘nước xuất khẩu’ và ‘nước xuất xứ’ trong thương mại quốc tế. ADA quy định rằng một biện pháp CBPG chỉ áp dụng với sản phẩm từ một (số) *nước xuất khẩu* cụ thể chứ không áp với nước xuất xứ, và sẽ phải tiến hành một cuộc điều tra chống bán phá giá mới nếu có sự thay đổi về nước xuất khẩu. Khi đó, sản phẩm được thay đổi nhãn mác (được xuất khẩu sang nước thứ 3 để lấy xuất xứ từ nước này) sẽ không bị áp thuế CBPG theo lệnh áp thuế ban đầu (đang áp) do sản phẩm này không còn được xuất khẩu từ nước bị áp thuế, trừ phi khởi xướng một cuộc điều tra chống bán phá giá mới đối với nước thứ 3 này. SCMA cũng quy định<sup>14</sup> trong trường hợp sản phẩm không được nhập khẩu trực tiếp từ nước xuất xứ mà được xuất khẩu vào nước nhập khẩu từ một nước trung gian thì các quy định của SCMA sẽ áp dụng với nước trung gian này và nước nhập khẩu như giữa nước xuất xứ và nước nhập khẩu.

## 2.2 Các hình thức lẫn tránh cụ thể

### 2.2.1 Lẫn tránh đơn giản

(i) **Chuyển tải:** được sử dụng để lẫn tránh thuế CBPG/CTC đơn giản bằng cách chuyển sản phẩm tương tự mà đang bị áp thuế CBPG/CTC hoặc đang bị điều tra sang một nước thứ 3 để áp dụng quy tắc xuất xứ và lấy xuất xứ của nước thứ 3 này.<sup>15</sup> Sản phẩm chỉ đơn giản “ghé” qua, dừng chân ở

nước thứ 3 và không được tiến hành bất kỳ sự gia công nào. Bên cạnh đó, sản phẩm bị nghi ngờ lẫn tránh thuế thường là sản phẩm được lắp ráp hoặc là sản phẩm hoàn chỉnh. Do đó, rõ ràng là các sản phẩm được chuyển tải gần như là không được thay đổi tại nước thứ 3 trong toàn bộ quá trình.

So sánh với các hành vi lẫn tránh khác, việc chuyển tải dễ bị phát hiện và dễ bị coi là vi phạm quy định của WTO và nội luật các nước vì theo các quy định này, để chứng minh là việc chuyển tải được thực hiện để tránh thuế do không trải qua quá trình gia công lắp ráp đáng kể nào. Do đó, việc chuyển tải qua một nước thứ 3 không khiến cho sản phẩm thay đổi xuất xứ. Theo quy định của Điều 2.5 ADA, ‘...nếu ...các sản phẩm chỉ được *chuyển tải* thông qua nước xuất khẩu, hoặc sản phẩm đó không được sản xuất ở nước xuất khẩu, thì giá để tính toán khi so sánh giữa trị giá thông thường và giá xuất khẩu để xác định liệu có tồn tại phá giá hay không chính là giá tại nước xuất xứ chứ không phải giá tại nước xuất khẩu.

So sánh với các hành vi lẫn tránh khác, chuyển tải là hành vi phổ biến nhất.

(ii) **Khai sai hải quan và các phương thức gian lận khác:** bao gồm một loạt các hành vi lẫn tránh như: *khai sai xuất xứ* hàng hoá, *mô tả sản phẩm sai* (sai về hải quan và trị giá hàng hoá) v.v. Bên cạnh đó, các phương thức gian lận khác để phải trả ít hơn hoặc không phải trả thuế CBPG/CTC cũng thuộc diện này. Ví dụ, nhà xuất khẩu/sản xuất có thể *dán nhãn lại hàng hoá* để che giấu xuất xứ thực sự của hàng hoá.<sup>16</sup> Trên thực tế, có những nhà xuất khẩu/sản xuất thực hiện hành vi này do nhầm lẫn hoặc hiểu không đúng về quy định xuất xứ hoặc cách phân loại hàng hoá.<sup>17</sup> Tuy nhiên, cũng có những nhà xuất khẩu/sản xuất thực hiện với lý do lẫn tránh thuế, do đó, sẽ bị phạt (ví dụ theo luật hải quan). Tuy nhiên, do cũng khó để phân biệt được trường hợp nào là vô tình, trường hợp nào là cố ý nên nhà

11 Điều 2.6 ADA.

12 Theo Điều 2.1 ADA, ‘phá giá’ xảy ra theo điều kiện thương mại thông thường, nếu hàng xuất khẩu được xuất khẩu từ một nước (nước xuất khẩu) tới một nước khác (nước nhập khẩu). Do đó, hàng xuất khẩu bị điều tra thường được giới hạn ở một số nước xuất khẩu cụ thể.

13 Nếu không có quy định cụ thể về tỷ lệ phần trăm để xác định mức độ gia công như thế nào thì được công nhận là đáp ứng quy tắc xuất xứ.

14 Điều 11.8 SCMA.

15 Tham khảo thêm G/ADP/IG/W/1 ngày 3/10/1997, tài liệu của Cộng đồng Châu Âu.

16 Xem G/ADP/IG/W/6 ngày 22/4/1998, G/ADP/IG/W/21 ngày 15/3/2004.

17 Xem G/ADP/IG/W/21 ngày 24/3/2000, G/ADP/IG/W/6 ngày 22/4/1998, G/ADP/IG/W/4 ngày 29/10/1997.

xuất khẩu/sản xuất gặp phải rủi ro cao là sẽ bị coi là vi phạm pháp luật nếu thuộc trường hợp này.

### **2.2.2. Lấn tránh phức tạp**

Trên thực tế, nhà xuất khẩu/sản xuất có xu hướng thực hiện hành vi lấn tránh phức tạp mặc dù mất thời gian và nguồn lực hơn, một phần vì hành vi này khó bị phát hiện hơn do cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu khó có thể xác định được là hành vi này được thực hiện nhằm lấn tránh thuế CBPG/CTC hay đơn giản chỉ là các hoạt động kinh doanh hợp pháp, bao gồm:

**(i) Lấn tránh thượng nguồn (upstream) (sản phẩm đầu vào):** thường xảy ra trong bối cảnh như sau: nhà xuất khẩu/sản xuất nước ngoài xây dựng nhà máy gia công lắp ráp ở nước nhập khẩu (nước áp thuế CBPG/CTC) và vận chuyển các *linh kiện* của sản phẩm (mà không thuộc đối tượng bị áp thuế CBPG/CTC) sang nước nhập khẩu sau khi có lệnh áp thuế CBPG/CTC hoặc sau

khi sản phẩm bị điều tra CBPG/CTC. Sản phẩm sau đó được lắp ráp ở nước nhập khẩu và do đó có thể lấn tránh thuế CBPG/CTC do sản phẩm cuối cùng có thể được coi là đã được sản xuất ở nước nhập khẩu.

Đây là phương thức lấn tránh truyền thống nhất và được nhiều nước điều chỉnh trong nội luật của mình. Trong đó, có 4 yếu tố thường được xem xét để xác định có tồn tại hành vi hay không, bao gồm:

(i) liệu có tồn tại lệnh áp thuế CBPG/CTC đối với sản phẩm gốc hay không;

(ii) liệu phần lớn các linh kiện của sản phẩm bị nghi ngờ lấn tránh có được xuất khẩu từ nước đang bị áp thuế CBPG/CTC hay không. Để chứng minh vấn đề này, hoạt động gia công lắp ráp phải đáp ứng quy định về tỷ lệ phần trăm (ví dụ quy định của EU về tỷ lệ 60%) để kiểm tra xem sản phẩm bị nghi ngờ có phải là sản phẩm lắp ráp của sản phẩm thuộc đối tượng áp thuế;

(iii) liệu trị giá gia tăng giữa sản phẩm bị nghi ngờ (sản phẩm lắp ráp) với các linh kiện nhập khẩu có nhỏ hay không (ví dụ quy định của EU nhỏ hơn 25% chi phí sản xuất thì được coi là nhỏ); và

(iv) liệu hoạt động lắp ráp này được bắt đầu hoặc gia tăng đáng kể sau, kể từ khi, hoặc ngay trước khi lệnh áp thuế được ban hành hay không.

Theo quy định của một số nước, thuế CBPG/CTC sẽ được mở rộng cho các linh kiện được nhập khẩu và lắp ráp thành sản phẩm thuộc đối tượng áp thuế CBPG/CTC nếu các linh kiện này được nhập khẩu nhằm mục đích lấn tránh thượng nguồn mà không phải thông qua một cuộc điều tra về hành vi phá giá/trợ cấp và thiệt hại. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra khi áp biện pháp chống lấn tránh với hành vi này là liệu quy định về chống lấn tránh đó có vi phạm quy định hiện hành của ADA, SCMA hay không. Theo quy định hiện hành của WTO, thuế CBPG/CTC chỉ được áp trong các trường hợp được quy định theo Điều VI (thuế chống bán phá giá và thuế đối kháng), Điều XVI (trợ cấp) của GATT 1994, và tuân thủ các quy định tại ADA, SCMA. Vụ việc CBPG/CTC ban đầu là nhằm đến sản phẩm cuối cùng (thành phẩm) chứ không phải linh kiện, do đó nếu thuế CBPG/CTC được mở rộng cho các linh kiện (không thuộc phạm vi áp thuế như sản phẩm tương tự ban đầu) mà không trải qua một cuộc điều tra thông thường thì có khả năng vi phạm WTO.

**(ii) Lấn tránh sản phẩm (side stream):** chủ yếu bao gồm hai loại:

(a) *thay đổi nhỏ/không đáng kể* (slight/minor alteration/modification) hình dạng, bề ngoài hoặc bao bì của sản phẩm ban đầu. Cụ thể, nếu nhà xuất khẩu/sản xuất nước ngoài thay đổi nhỏ hình dạng, bề ngoài, hoặc bao bì của sản phẩm nhằm mục đích lấn tránh thuế CBPG/CTC sau khi có lệnh áp thuế với sản phẩm ban đầu, thì sản phẩm mới (bị nghi ngờ lấn tránh) được gọi là sản phẩm được thay đổi nhỏ và hành vi liên quan đến việc thay đổi này được gọi là thay đổi nhỏ.





(b) liên quan đến *sản phẩm thế hệ mới*, phiên bản mới (được phát triển sau sản phẩm bị áp thuế ban đầu) (later-developed product), là một sản phẩm có thay đổi nhỏ về thiết kế hoặc có một số tính năng, đặc điểm bổ sung. Một yếu tố quan trọng mà các nhà xuất khẩu/sản xuất xem xét khi thực hiện hành vi này là làm cho sản phẩm mới này có bề ngoài khác (sau khi có lệnh áp thuế) để cho sản phẩm 'mới' này không thuộc đối tượng bị áp thuế CBPG/CTC và do đó lẩn tránh được thuế này.

Hoa Kỳ là nước đầu tiên có quy định về vấn đề này tại Đạo luật Thương mại 1988, theo đó, thuế CBPG/CTC có thể được mở rộng với các sản phẩm có thay đổi không đáng kể (thay đổi nhỏ về hình dáng, bề ngoài), (bao gồm cả các sản phẩm nông nghiệp đã qua xử lý, chế biến nhỏ) và mở rộng cho các sản phẩm thế hệ mới mà không phải điều tra thiệt hại. Để phân biệt sản phẩm bị nghi ngờ với sản phẩm thuộc đối tượng chịu thuế, có 5 yếu tố cần xem xét để xác định liệu sản phẩm mới này có thuộc phạm vi áp thuế hay không, bao gồm: (i) cùng các đặc tính vật lý chung; (ii) sự chấp nhận của người mua cuối cùng; (iii) mục đích sử dụng chính; (iv) các kênh thương mại; (v) sự quảng cáo và bày bán của sản phẩm.

Quy định của EU là về 'sản phẩm được thay đổi nhỏ' (slightly modified product)<sup>18</sup>, tuy nhiên quy định này còn chung chung, không chi tiết về việc điều chỉnh thế nào là 'thay đổi nhỏ'. Bên cạnh đó, EU không quy định về vấn đề sản phẩm thế hệ mới. Do đó, việc diễn giải để áp biện pháp với các hành vi lẩn tránh side stream phụ thuộc rất nhiều vào cơ quan có thẩm quyền.

Một câu hỏi đặt ra là liệu sản phẩm được sửa đổi nhỏ, và sản phẩm thế hệ mới có thuộc phạm vi 'sản phẩm tương tự' hay không. Các nhà xuất khẩu/sản xuất thường có xu hướng sử dụng phương pháp này nếu chi phí phát triển hoặc thay đổi sản phẩm là thấp hơn so với mức thuế bị áp. Tuy nhiên, hành vi này cũng có thể đẩy cơ quan có thẩm quyền vào tình huống khó xử. Vì không phải lúc nào

cũng có thể xác định một cách chi tiết phạm vi của sản phẩm được thay đổi bởi sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ nhằm đáp ứng thị hiếu luôn thay đổi của người tiêu dùng nên khó có thể dự đoán được sản phẩm sẽ thay đổi hoặc được phát triển như thế nào. Kết quả là, theo quy định của ADA, SCMA và nội luật, cơ quan điều tra (CQĐT) phải tiến hành điều tra một vụ CBPG/CTC mới đối với từng loại sản phẩm được thay đổi để xác định liệu việc áp thuế CBPG/CTC với sản phẩm mới này là cần thiết hay không. Tuy nhiên, điều này sẽ dẫn tới việc giảm hiệu quả của biện pháp CBPG/CTC vì để hoàn thành một cuộc điều tra thì rất mất thời gian (thông thường từ 12- 18 tháng)<sup>19</sup>, công sức, tiền của cho tất cả các bên liên quan, đặc biệt là cho cơ quan có thẩm quyền. Ngược lại, một vấn đề khác đáng quan ngại là nếu cơ quan có thẩm quyền áp dụng trực tiếp phạm vi ban đầu của sản phẩm bị điều tra CBPG/CTC với sản phẩm bị nghi ngờ lẩn tránh mà không tiến hành khởi xướng điều tra một vụ việc mới, do phạm vi sản phẩm tương tự khác nhau thì có thể dẫn tới kết quả điều tra CBPG/CTC khác nhau. Và do đó không thể áp thuế CBPG/CTC với sản phẩm ban đầu nếu sản phẩm bị nghi ngờ lẩn tránh được tích hợp vào sản phẩm ban đầu trong khi cuộc điều tra CBPG/CTC được tiến hành với sản phẩm ban đầu. Ví dụ, điều tra CBPG/CTC với sản phẩm radio từ một nước và sau đó nhà xuất khẩu gắn vào radio một cái đồng hồ số để tránh lệnh áp thuế trên. Câu hỏi đặt ra là liệu radio bị áp thuế và radio có đồng hồ số có phải là các sản phẩm tương tự. Nếu radio có đồng hồ số nằm trong phạm vi sản phẩm bị áp thuế ban đầu khi tiến hành điều tra thì cơ quan điều tra có thể mở rộng lệnh áp thuế với sản phẩm này mà không phải tiến hành vụ việc mới. Ngược lại, sẽ phải tiến hành một vụ việc mới với sản phẩm radio có đồng hồ số nếu sản phẩm đó không nằm trong phạm vi vụ việc ban đầu.

**(iii) Lẩn tránh hạ nguồn (downstream) (sản phẩm thuộc công đoạn sau):** xảy ra khi nhà xuất khẩu/sản xuất nước ngoài bổ sung một hoặc một số linh kiện quan trọng mà

đang bị áp thuế CBPG/CTC vào một sản phẩm không bị áp thuế đó. Ví dụ, một lệnh áp thuế CBPG/CTC được áp với một linh kiện quan trọng nào đó của máy ảnh, thì nhà xuất khẩu/sản xuất sẽ chuyển sang xuất khẩu máy ảnh nguyên chiếc để tránh thuế áp với linh kiện.

Theo quy định của Hoa Kỳ, nhà sản xuất trong nước của linh kiện tương tự hoặc sản phẩm hạ nguồn tương tự có thể nộp đơn kiện tới Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) (cơ quan điều tra). Theo đó, DOC sẽ xem xét liệu có cần tiến hành điều tra CBPG/CTC đối với những sản phẩm hạ nguồn này dựa trên một số yếu tố bao gồm: (i) trị giá của linh kiện, (ii) mức độ thay đổi đáng kể của linh kiện này, (iii) liệu nhà sản xuất linh kiện và nhà sản xuất sản phẩm hạ nguồn có liên quan không. Tuy nhiên, một vấn đề đáng lưu ý là đối với quy định về hành vi này (Mục 1320 Đạo luật Thương mại 1988), pháp luật Hoa Kỳ không sử dụng từ 'lẩn tránh' để nói về hành vi này giống như các hành vi được quy định tại Mục 1321 Đạo luật Thương mại 1988 (lẩn tránh thương nguồn, lẩn tránh thông quan nước thứ 3, thay đổi nhỏ đối với sản phẩm và sản phẩm thế hệ mới)<sup>20</sup> và pháp luật cũng quy định phải tiến hành một vụ điều tra mới để xác định xem sản phẩm hạ nguồn bị nghi ngờ này có bán phá giá, được trợ cấp hay không trong khi đó đối với các hành vi quy định tại Mục 1321 thì có thể mở rộng lệnh áp thuế là đủ. Do đó, có thể thấy, Hoa Kỳ cho rằng hành vi lẩn tránh hạ nguồn là khác với các hành vi lẩn tránh khác (chỉ được coi là lẩn tránh một phần).

**(iv) Lẩn tránh qua nước thứ 3:** được thực hiện thông qua việc thay đổi nước xuất khẩu thay vì thay đổi sản phẩm. Các doanh nghiệp thực hiện hành vi này vì theo quy định của luật CBPG/CTC, hàng hóa sẽ không thuộc đối tượng bị áp thuế CBPG/CTC hiện hành nếu là sản phẩm từ

18 Điều 13:1 Quy định 2016/1036 (CBPG), Điều 23 Quy định 2016/1037 (CTC).

19 Điều 5.10 ADA, Điều 11.11 SCM.

20 Mục 1321 của Đạo luật Thương mại 1988 có tiêu đề là 'Ngăn ngừa việc lẩn tránh lệnh áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp' trong đó cấm 4 hành vi lẩn tránh. Tuy nhiên, Mục 1320 của Đạo luật này, điều chỉnh về các sản phẩm hạ nguồn thì không sử dụng từ 'lẩn tránh' để nói về hành vi này mà chỉ sử dụng thuật ngữ 'giám sát' (monitor).

một nước thứ 3 không thuộc các nước đang bị áp thuế. Ví dụ nước A áp thuế CBPG/CTC với sản phẩm X của công ty Y từ nước B. Công ty Y từ nước B (Y-B) sau đó xuất khẩu các linh kiện của sản phẩm X sang nhà máy của mình ở nước C và lắp ráp sản phẩm X ở nước C. Sản phẩm được lắp ráp sẽ được coi là sản phẩm của nước C và hành vi công ty Y thực hiện được coi là 'lẩn tránh thông qua nước thứ 3'.

Câu hỏi quan trọng đối với hành vi này là liệu sản phẩm được lắp ráp có thể được lấy xuất xứ từ nước thứ 3 (nước C) không. Bên cạnh đó, để được lấy xuất xứ từ nước thứ 3, sản phẩm phải trải qua mức độ gia công như thế nào vì các nước có quy định khác nhau về các tiêu chuẩn, tiêu chí để đạt quy tắc xuất xứ và do đó các doanh nghiệp đã tận dụng điều này để lẩn tránh.

Hành vi lẩn tránh thông qua nước thứ 3 và lẩn tránh thượng nguồn tương đối giống nhau vì đều liên quan đến việc gia công, lắp ráp các linh kiện từ nước bị áp thuế thành sản phẩm tương tự. Tuy nhiên, lẩn tránh thượng nguồn liên quan đến việc lắp ráp các linh kiện ở nước nhập khẩu, trong khi lẩn tránh qua nước thứ 3 liên quan đến việc lắp ráp ở nước thứ 3. Một số nước đều điều chỉnh hai hành vi này trong nội luật của mình. Tại EU, tiêu chí để xác định liệu một giao dịch có cấu thành hành vi lẩn tránh thông qua nước thứ 3 là giống với tiêu chí đối với lẩn tránh thượng nguồn. Tại Hoa Kỳ, bên cạnh các tiêu chí tương tự với lẩn tránh thượng nguồn, đối với lẩn tránh thông qua nước thứ 3 phải xem xét thêm 3 tiêu chí khác bao gồm: (i) xu hướng thương mại (pattern of trade), (ii) liệu doanh nghiệp lắp ráp có liên kết với nhà sản xuất các linh kiện hay không; (iii) liệu lượng nhập khẩu các linh kiện có gia tăng sau khi ban hành lệnh áp thuế CBPG/CTC.

Nói chung, theo quy định nội luật của một số nước, thuế CBPG/CTC có thể được mở rộng cho các sản phẩm lẩn tránh từ nước thứ 3 mà không phải tiến hành điều tra hành vi phá giá/trợ cấp hoặc thiệt hại. Tuy nhiên, việc này lại dẫn tới câu hỏi về việc liệu có phù hợp với WTO hay không.

Nếu không tiến hành điều tra hành vi phá giá/trợ cấp và thiệt hại với sản phẩm bị nghi ngờ (như quy định của ADA/SCMA khi áp thuế CBPG/CTC) thì các quy định về chống lẩn tránh thuế đối với hành vi lẩn tránh thông qua nước thứ 3 của những nước theo cách tiếp cận này bị xem là vi phạm WTO. Hơn nữa, quy định này cũng vi phạm nguyên tắc không phân biệt đối xử của GATT/WTO vì như thế có nghĩa là không phải tiến hành điều tra CBPG/CTC với một nước thứ 3 cụ thể trong khi với các nước khác thì vẫn phải tiến hành điều tra đầy đủ, điều này rõ ràng gây ra sự phân biệt đối xử giữa một nước thứ 3 cụ thể và các nước khác.

**(v) Lẩn tránh qua hệ thống các công ty đa quốc gia (Country hopping):** Hành vi này được coi là một dạng phát triển từ lẩn tránh thông qua nước thứ 3, thường xảy ra trong trường hợp khi bị áp thuế CBPG/CTC, nhà xuất khẩu/sản xuất sau đó chuyển hoạt động lắp ráp thông qua hệ thống các công ty đa quốc gia của mình. Do đó, các cơ sở lắp ráp này được chuyển từ nước bị áp thuế CBPG/CTC tới một nước thứ 3. Tại nước thứ 3 này, nhà xuất khẩu/sản xuất chế tạo sản phẩm tương tự với những linh kiện chủ yếu được tự sản xuất tại nước thứ 3 đó hoặc tại các nước khác không phải là nước bị áp thuế CBPG/CTC ban đầu. Ví dụ, nước A áp thuế CBPG/CTC đối với mặt hàng X của công ty Y từ nước B. Công ty Y từ nước B sau đó chuyển dây chuyền lắp ráp sang cơ sở của mình tại nước C. Nhà máy của công ty Y tại nước C (Y-C) không phải là một nhà máy mới mà đã tồn tại trước đó. Tại nhà máy Y-C này, công ty Y lắp ráp sản phẩm X bằng cách sử dụng các linh kiện từ nhà máy Y-C hoặc từ nhà máy của Y ở nước D (Y-D) (nước D không bị áp thuế CBPG/CTC). Sản phẩm X được lắp ráp này sau đó sẽ được xuất khẩu mà không phải nộp thuế CBPG/CTC.

Hành vi này giống với hành vi lẩn tránh thông qua nước thứ 3 ở trên. Cả 2 hành vi đều liên quan đến việc lắp ráp sản phẩm ở một nước thứ 3. Hơn nữa, theo quy định nội luật của một số nước, điển hình như Hoa Kỳ

và EU, hành vi này được coi là hành vi lẩn tránh thông qua nước thứ 3. Trên thực tế, hai hành vi này khó phân biệt tách rời và thường chỉ được gọi tên là 'lẩn tránh thông qua nước thứ 3' hoặc 'country hopping'. Tại vòng đàm phán Uruguay,<sup>21</sup> các quy định về chống lẩn tránh thuế tại dự thảo Dunkel<sup>22</sup> lần đầu tiên hai hành vi này được đưa vào quy định. Theo dự thảo này, các tiêu chí khác nhau cần được áp dụng cho hai hành vi này (sẽ được trình bày ở sau).

Mặc dù có sự giống nhau, có 3 điểm khác biệt chính giữa 2 hành vi này:

(i) nguồn nguyên liệu đầu vào sử dụng ở hành vi country hopping thường được sản xuất tại nước thứ 3 hoặc từ các nước khác chứ không phải từ nước bị áp thuế CBPG/CTC. Như ví dụ trên, nếu các linh kiện chính được lắp ráp ở nước C (nước thứ 3) là từ nước C hoặc nước D (nước không bị áp thuế) chứ không phải từ công ty Y tại nước A (nước bị áp thuế), thì hành vi do công ty Y thực hiện sẽ là country hopping;

(ii) trong hành vi country hopping, cơ sở lắp ráp sản phẩm tại nước thứ 3 đã tồn tại từ trước chứ không phải mới được xây dựng để lẩn tránh thuế. Trong ví dụ trên, nhà máy của công ty Y tại nước C (nước thứ 3) đã tồn tại từ trước;

(iii) hành vi country hopping không có quy định về tỷ lệ phần trăm để xem xét liệu chi phí của các linh kiện từ nước bị áp thuế có vượt quá tỷ lệ % nhất định của tất cả các nguyên liệu được sử dụng với sản phẩm. Tuy nhiên, đối với hành vi lẩn tránh thông qua nước thứ 3 thường cần phải đáp ứng quy định này.

<sup>21</sup> Có 8 vòng đàm phán trong lịch sử GATT. Vòng đàm phán thứ 8 (gọi là vòng đàm phán Uruguay, bắt đầu từ ngày 22/9/1986 tại Uruguay, dẫn tới sự thành lập WTO vào năm 1995.

<sup>22</sup> Tại các phiên đàm phán của Vòng đàm phán Uruguay, các bên tham gia đàm phán nỗ lực để đưa ra rất nhiều dự thảo để cố gắng đưa các kết quả đàm phán này vào bản thỏa thuận cuối cùng. Vào tháng 12/1991, Tổng Giám đốc GATT - ông Arthur Dunkel, đã đề xuất một bản lời văn dự thảo mà cuối cùng dẫn tới việc các bên đạt được thỏa thuận thống nhất của Vòng Uruguay vào năm 1994.



Như được trình bày ở trên, những sự khác biệt này chỉ được quy định tại lời văn của dự thảo Dunkel, còn các nước trong nội luật của mình không có quy định cụ thể để phân biệt mà coi 2 hành vi này là giống nhau. Tương tự như phân tích ở mục lần tránh thông qua nước thứ 3 nêu trên, biện pháp ứng phó với hành vi country hopping cũng có dấu hiệu vi phạm WTO.

**(vi) Lấn tránh của công ty vi phạm nhiều lần (Repeat corporate offender) (thường với sản phẩm có vòng đời ngắn):** Hành vi này liên quan đến một số công ty sản xuất nhiều sản phẩm tận dụng việc sản xuất nhiều danh mục sản phẩm theo series để lấn tránh thuế CBPG/CTC (thường xảy ra đối với các sản phẩm công nghệ cao). Yếu tố chính góp phần để các doanh nghiệp thực hiện hành vi này là do một cuộc điều tra CBPG/CTC thường kéo dài hơn 1 năm trong khi vòng đời của các sản phẩm công nghệ cao thường tương đối ngắn. Thực tế này giúp các công ty có thể sản xuất một loạt các sản phẩm theo series và lấn tránh thuế bằng cách thay thế sản phẩm thế hệ mới với sản phẩm thế hệ cũ trong giai đoạn điều tra (ví dụ các sản phẩm điện thoại thông minh, máy vi tính, tivi... được thay đổi công nghệ liên tục). Do đó, lệnh áp thuế sẽ trở nên vô hiệu vì không thể theo kịp việc nhà xuất khẩu cập nhật, thay đổi danh mục sản phẩm của mình trước khi cuộc điều tra kết thúc.

Theo pháp luật Hoa Kỳ<sup>23</sup>, hành vi này được gọi là hành vi liên quan đến 'sản phẩm có vòng đời ngắn' (nhằm lấn tránh thuế CBPG) (không áp dụng với lấn tránh thuế CTC). Theo đó, cách thức để ứng phó với vấn đề này là đẩy nhanh tiến độ điều tra vụ việc đối với các doanh nghiệp vi phạm nhiều lần nếu các danh mục sản phẩm của họ đã bị áp thuế nhiều lần. Một công ty được coi là vi phạm nhiều lần nếu có ít nhất 2 vụ điều tra đối với sản phẩm của họ trong vòng 1 khoảng thời gian nhất định.

Tuy nhiên, cách thức để ứng phó với hiện tượng này cũng có một số hạn chế. Theo quy định của một số

nước, những doanh nghiệp này sẽ bị áp dụng thời hạn điều tra khác. Mục tiêu ban đầu là để đẩy nhanh thời gian điều tra để cuộc điều tra có thể kết thúc trước khi sản phẩm được thay đổi. Tuy nhiên, cách tiếp cận này cũng làm phức tạp thêm tình hình do cơ quan điều tra phải phân biệt các hành vi xem là vi phạm lần 1, 2 hay 3 để đưa ra các thời gian điều tra khác nhau, điều này sẽ khiến cơ quan điều tra tốn công sức, thời gian và tiền bạc hơn và là một gánh nặng lớn vì có những doanh nghiệp bị liên quan đến nhiều vụ việc nhưng vai trò của họ khác nhau (ví dụ có doanh nghiệp liên quan vì họ là nhà xuất khẩu chính sản phẩm nhưng cũng có doanh nghiệp chỉ bị "vạ lây" vì xuất khẩu ít nhưng vẫn bị điều tra). Mặt khác, cách tiếp cận muốn đẩy nhanh vụ điều tra cũng có thể gây tranh cãi vì không công bằng đối với một số doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ vì họ có ít thời gian hơn để trả lời bản câu hỏi so với một cuộc điều tra thông thường. Theo quy định của WTO, việc không cung cấp thông tin đầy đủ trong một khoảng thời gian quy định sẽ khiến cho bị đơn ở vào thế bất lợi, khi đó cơ quan điều tra có thể áp dụng 'thông tin có sẵn' (facts available), một quy định cho phép cơ quan điều tra chấp nhận thông tin cung cấp bởi nguyên đơn (thường là thông tin bất lợi cho bị đơn).<sup>24</sup> Điều này sẽ có tác động tiêu cực tới những doanh nghiệp nhỏ này.

**(vii) Lấn tránh qua thay đổi giá các dạng khác nhau của sản phẩm (Fictitious markets):** Để đối phó với lệnh áp thuế CBPG (không áp với chống trợ cấp), nhà xuất khẩu/sản xuất có thể tạo ra một 'thị trường giả tạo' (fictitious market) bằng cách hạ thấp giá bán trong nước để làm giảm hoặc xóa bỏ biên độ phá giá. Việc giảm giá này là tạm thời và mục đích chính là để lấn tránh thuế CBPG.

Theo quy định của Hoa Kỳ, hành vi này được coi là một trong những hành vi lấn tránh thuế CBPG mặc dù không được quy định tại mục 1321 Đạo luật Thương mại 1988 về 'Ngăn ngừa lấn tránh lệnh áp thuế CBPG và

CTC'. Theo đó, kết luận về hành vi này tập trung ở việc liệu có sự thay đổi giá đối với các dạng khác nhau của sản phẩm hay không và liệu sự thay đổi đó có phải nhằm làm giảm biên độ phá giá hay không. Cụ thể, để xác định liệu giá của sản phẩm giống hệt (để so sánh) có giảm trong khi giá của các dạng khác của sản phẩm (không để so sánh) tăng. Việc có sự thay đổi về giá này được coi là bằng chứng là có hành vi lấn tránh. Ví dụ, một sản phẩm có 2 dạng, một dạng viên và một dạng bột. Sản phẩm dạng viên bị điều tra CBPG. Nhà xuất khẩu/sản xuất sau đó giảm giá bán tại thị trường trong nước của sản phẩm dạng viên nhưng đồng thời lại tăng giá bán tại thị trường trong nước của sản phẩm dạng bột. Có thể có quan điểm cho rằng hành vi làm giảm hoặc triệt tiêu biên độ phá giá là mục tiêu hướng tới của lệnh áp thuế. Tuy nhiên, bằng cách tăng giá của dạng khác của sản phẩm trong cùng một danh mục (dạng bột), nhà sản xuất/xuất khẩu có thể bù đắp được lợi nhuận bị mất do giảm giá sản phẩm bị áp thuế CBPG (dạng viên).

Cách thức hiện tại để ứng phó với hành vi này cũng là một vấn đề cần xem xét. Nhà xuất khẩu/sản xuất có thể có các lý do khác nhau trên thực tế để tăng hoặc giảm giá của sản phẩm. Cách thức chỉ theo dõi sự biến động của giá sản phẩm để ra kết luận về việc có tồn tại hành vi lấn tránh là tương đối gây tranh cãi và có thể bị lạm dụng.

Trên đây là một số hình thức lấn tránh thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp phổ biến được quy định tại nội luật của một số nước. Tùy vào tình hình, đặc điểm và sự lựa chọn chính sách của mỗi nước mà từng nước sẽ có quy định cụ thể về các hình thức lấn tránh thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp tại nội luật của mình.

**THS. PHẠM HƯƠNG GIANG**  
*(Cục Phòng vệ thương mại)*

23 Mục 1323 Đạo luật Thương mại 1988.

24 Điều 6.8 ADA, Điều 12.7 SCMA.



## **Nghiên cứu về lịch sử đàm phán các dự thảo các quy định về điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp tại GATT/WTO**

**H**iệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) có vai trò là hệ thống quốc tế điều chỉnh phần lớn thương mại quốc tế kể từ năm 1947. Một trong những thành tựu lớn nhất của GATT là việc giảm thuế giữa các bên ký kết, thông qua các vòng đàm phán. Trước vòng đàm phán Uruguay (1986-1994), đã có 7 vòng đàm phán, trong đó 5 vòng tập trung chủ yếu vào giảm thuế quan. Tuy nhiên, việc giảm thuế quan đáng kể đã dẫn tới các hàng rào như chống bán phá giá (CBPG), chống trợ cấp (CTC) đóng vai trò ngày càng cao hơn để bảo hộ thương mại. Do đó, vấn đề hàng rào phi thuế quan đã là mục tiêu đàm phán kể từ vòng thứ 6 (Vòng Kennedy) và là một trong những mục tiêu ưu tiên trong đàm phán thương mại tại vòng thứ 7 (Vòng Tokyo). 9 thoả thuận cụ thể về hàng rào phi thuế quan, trong đó có Đạo luật Chống bán phá giá (Antidumping Code 1979) đã đạt được vào cuối Vòng Tokyo.

Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế và xu thế toàn cầu hoá đã



đem đến một số thách thức mới cho thương mại quốc tế. Điều này dẫn đến Vòng thứ 8 của GATT- Vòng Uruguay - là vòng đàm phán sâu và rộng trong lịch sử GATT. Kết quả là một tổ chức thương mại mới ra đời vào năm 1995- Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thực hiện các chức năng của GATT.

Nội dung về miễn trừ thuế đã được thảo luận kể từ vòng Đàm phán Uruguay. Cả EU và Hoa Kỳ đều cho rằng việc đưa quy định về chống miễn trừ thuế vào quy định chống bán phá giá trong vòng đàm phán Uruguay của GATT là một trong những ưu tiên hàng đầu của họ. Mặc dù đã có những sự nỗ lực từ các Thành viên nhằm đưa nội dung này vào trong các quy định đa phương nhưng cũng có các Thành viên phản đối vì vậy, đến nay nội dung này vẫn chưa được quy định trong các Hiệp định của WTO. Tuy nhiên, một số nước đã có nội luật về chống miễn trừ thuế CBPG, CTC.

## 1. Các lời văn dự thảo của Vòng Uruguay liên quan đến biện pháp chống miễn trừ thuế CBPG/CTC

### 1.1. Dự thảo lời văn Carlisle I

Trong vòng Uruguay, một nhóm đặc biệt đã được thành lập để thảo luận chi tiết về vấn đề CBPG, do Phó Tổng Giám đốc GATT- ông Charles Carlisle chủ trì. Một bản dự thảo đề xuất (tháng 7/1990), được gọi là Dự thảo Carlisle I đã đưa ra một khuôn khổ cụ thể về các vấn đề của Đạo luật Chống bán phá giá 1979 cần phải sửa đổi.

Các quy định về chống miễn trừ thuế CBPG trong Dự thảo Carlisle này bị phê phán do bị cho rằng sao chép gần như toàn bộ đề xuất của Hoa Kỳ. Với miễn trừ thuế nguồn (nhập khẩu linh kiện để lắp ráp sản phẩm tại nước nhập khẩu) và miễn trừ qua nước thứ 3 hoặc country hopping (nhập khẩu linh kiện để lắp ráp sản phẩm ở một nước thứ 3), Dự thảo cho phép mở rộng thuế CBPG mà không phải ra kết luận về phá giá và thiệt hại.

Cần xem xét một số yếu tố để xác định có hành vi miễn trừ nêu trên hay không, bao gồm: (i) sản phẩm lắp ráp hoặc thành phẩm và sản phẩm bị áp thuế CBPG là tương tự (alike); (ii) các bên tham gia hoạt động lắp ráp hoặc hoàn thiện sản phẩm liên quan

tới nhà xuất khẩu/sản xuất bị áp thuế CBPG ban đầu; (iii) trị giá của các linh kiện phải bằng hoặc hơn một mức % cụ thể của tổng trị giá của sản phẩm hoàn thiện; (iv) linh kiện quan trọng nhất để lắp ráp có xuất xứ từ nước bị áp thuế CBPG; (v) có bằng chứng cho thấy sản phẩm lắp ráp từ các linh kiện được sản xuất tại một nước bị áp thuế CBPG đã tăng đáng kể sau khi áp thuế CBPG; và (vi) việc mở rộng thuế CBPG ban đầu với sản phẩm bị nghi ngờ là phù hợp với kết luận về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước tại cuộc điều tra CBPG ban đầu.

Bên cạnh đó, Dự thảo Carlisle I quy định các tình huống khác mà biện pháp tạm thời có thể được áp và mức thuế CBPG chính thức có thể được áp hồi tố, bao gồm: (i) miễn trừ thuế nguồn hoặc qua nước thứ 3 nếu trị giá của các linh kiện vượt quá một tỷ lệ % nhất định của tổng trị giá sản phẩm; (ii) chuyển tải; và (iii) miễn trừ hạ nguồn nếu sản phẩm mới là từ nước xuất khẩu ban đầu hoặc từ một nước thứ 3. Trong bất kỳ trường hợp nào nêu trên, mức thuế CBPG chính thức có thể được áp hồi tố nếu có kết luận về phá giá và thiệt hại. Giai đoạn áp hồi tố sẽ bao gồm giai đoạn áp biện pháp tạm thời, dù kết luận cuối cùng về thiệt hại liên quan đến đe dọa thiệt hại hoặc sự ngăn cản đáng kể sự hình thành của một ngành sản xuất.

Dự thảo này vấp phải sự phản đối từ cả phe ủng hộ và không ủng hộ biện pháp chống miễn trừ. EU cho rằng dự thảo này không thỏa mãn do thiếu sự cân bằng. Hoa Kỳ thì từ chối quy định về việc “cơ quan có thẩm quyền phải cung cấp bằng chứng khẳng định để chỉ ra rằng sản phẩm mới đã tăng đáng kể kể từ khi thuế CBPG được áp” vì cho rằng thuật ngữ ‘bằng chứng khẳng định’ (positive evidence) là không chấp nhận được. Nhật Bản, các nước châu Á khác cũng như các nước Châu Mỹ Latinh cũng phản đối mạnh mẽ do Dự thảo được cho là chỉ phản ánh lập trường của Hoa Kỳ, do đó có thể không chỉ dẫn tới những căng thẳng không cần thiết mà còn có tác động nghiêm trọng tới việc bóp méo thương mại và đầu tư quốc tế.

Có thể thấy, các quy định của Dự thảo cho phép việc mở rộng thuế

CBPG cho sản phẩm bị nghi ngờ liên quan đến miễn trừ thuế nguồn, miễn trừ qua nước thứ 3 hoặc country hopping mà không cần kết luận về phá giá và thiệt hại là không phù hợp với Điều VI GATT. Ngoài ra, các quy định về yêu cầu hồi tố sẽ làm thay đổi phạm vi áp dụng quy định hồi tố theo quy định của ADA. Theo ADA, chỉ trong trường hợp kết luận cuối cùng về thiệt hại (mà không phải là về đe dọa thiệt hại hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước), hoặc trong trường hợp kết luận cuối cùng về đe dọa gây thiệt hại, mà theo đó tác động của hàng nhập khẩu có thể dẫn tới việc gây ra thiệt hại nếu không có biện pháp tạm thời, thì thuế CBPG mới được áp hồi tố (cho giai đoạn áp thuế tạm thời, nếu có).<sup>1</sup> Trong trường hợp kết luận về đe dọa thiệt hại hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất (thiệt hại chưa xảy ra), thuế CBPG chính thức chỉ được áp từ ngày kết luận về đe dọa gây thiệt hại hoặc ngăn cản sự hình thành.<sup>2</sup> Do đó, có thể thấy việc áp hồi tố sẽ không được thực hiện nếu ra kết luận về đe dọa gây thiệt hại hoặc ngăn cản sự hình thành. Tuy nhiên, Dự thảo Carlisle I lại cho phép áp hồi tố trong những trường hợp như vậy, điều này không phù hợp với quy định của ADA.

### 1.2. Dự thảo lời văn Carlisle II

Do có những phản đối, ông Carlisle đã đưa ra Dự thảo lời văn Carlisle II vào tháng 8/1990 với một số sửa đổi.

Theo đó, Dự thảo Carlisle II làm rõ một số thuật ngữ, bỏ một số yếu tố, sửa đổi một số lời văn. Ví dụ, yếu tố ‘linh kiện quan trọng nhất để lắp ráp có xuất xứ từ nước bị áp thuế chống bán phá giá’ đã được bỏ, điều này ngụ ý rằng không cần thiết phải chứng minh rằng linh kiện hoặc bộ phận quan trọng nhất sử dụng trong việc gia công hoặc sản xuất sản phẩm tương tự tại nước nhập khẩu là có xuất xứ từ nước đang bị áp thuế CBPG. Bên cạnh đó, Dự thảo Carlisle II yêu cầu sản phẩm lắp ráp ‘đã bắt đầu tăng hoặc đã tăng đáng kể kể từ khi khởi xướng điều tra CBPG mà dẫn tới áp thuế CBPG chính thức’, thay cho quy

1 Điều 10.2 ADA.

2 Điều 10.4 ADA.

định tại Dự thảo I là 'kể từ khi áp thuế CBPG'. Điều này cho thấy phạm vi điều tra được mở rộng đối với sản phẩm bị nghi ngờ lẫn tránh.

Quan trọng hơn là Dự thảo II không cho phép áp thuế hồi tố. Ngoài ra, Dự thảo xác định 2 tình huống khác nhau về việc liệu có cần điều tra phá giá và thiệt hại hay không: (i) một cuộc điều tra riêng rẽ về phá giá và thiệt hại liên quan đến các linh kiện hoặc bộ phận phải được tiến hành nếu nhà sản xuất trong nước của sản phẩm tương tự và nhà sản xuất các linh kiện/bộ phận chính là khác nhau; (ii) thuế CBPG có thể được mở rộng áp cho sản phẩm lắp ráp mà không điều tra riêng rẽ về phá giá và thiệt hại nếu nhà sản xuất trong nước của sản phẩm tương tự là giống với nhà sản xuất các linh kiện hoặc bộ phận chính. Ngoài ra, việc mở rộng áp thuế đó chỉ để ngăn chặn thiệt hại tái diễn.

Cuối cùng, Dự thảo cho phép quy định về rà soát và hoàn thuế của cuộc điều tra CBPG được áp với vụ chống lẫn tránh.

Dự thảo này cũng gây ra tranh cãi do lời văn kết hợp các đề xuất từ các bên đàm phán khác nhau nhằm để đạt được sự thỏa hiệp, và do đó nhiều quy định mâu thuẫn không được giải quyết. Do đó, Dự thảo này không đưa ra được giải pháp để làm giảm thiểu những sự khác nhau giữa các bên liên quan.

Có thể thấy, quy định tại Dự thảo:

- không cho phép áp hồi tố với biện pháp chống lẫn tránh thuế CBPG, do đó không phù hợp với ADA.

- vấn đề là liệu linh kiện hoặc sản phẩm bị nghi ngờ lẫn tránh có cần phải điều tra phá giá và thiệt hại độc lập không. Quy định tại Dự thảo nêu 2 trường hợp thông qua cách thức khác nhau. Tuy nhiên, đề xuất mở rộng áp thuế CBPG cho các linh kiện bị nghi ngờ lẫn tránh mà không phải tiến hành điều tra phá giá và thiệt hại khi nhà sản xuất trong nước của sản phẩm tương tự là giống với nhà sản xuất linh kiện/bộ phận chính, vẫn không phù hợp với quy định về yêu cầu áp thuế CBPG.

- liệu có nên áp dụng quy định về rà soát và hoàn thuế. So sánh với Dự thảo I, quy định này được coi là

mở ra cơ hội công bằng hơn cho các bên liên quan bị điều tra do sẽ khiến việc áp hoặc mở rộng lệnh áp thuế chính xác hơn. Tuy nhiên, Dự thảo II không có hướng dẫn cụ thể về thủ tục và quy định cụ thể về vấn đề này. Do điều tra chống lẫn tránh thuế và CBPG là khác nhau, việc này đặt ra câu hỏi là liệu có cần quy định chi tiết hơn về vấn đề rà soát và hoàn thuế liên quan đến biện pháp chống lẫn tránh hay không. Quy định hoàn thuế của CBPG tại thời điểm này chỉ được áp dụng trong 3 trường hợp, ngoài ra, trong cả 3 trường hợp này, cả thuế tạm thời và thuế chính thức đều đồng thời tồn tại: (i) nếu thuế chính thức thấp hơn thuế tạm thời, thì sẽ hoàn phần chênh lệch;<sup>3</sup> (ii) khi ra kết luận về đe dọa thiệt hại hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước, thuế CBPG chính thức chỉ được áp từ ngày ra kết luận đó. Do đó, bất kỳ khoản tiền mặt đặt cọc nào được nộp trong giai đoạn thuế tạm thời sẽ được hoàn;<sup>4</sup> (iii) bất kỳ khoản tiền mặt đặt cọc nào được nộp trong giai đoạn biện pháp tạm thời sẽ phải được hoàn lại và khoản ký quỹ sẽ phải được trả nhanh chóng nếu không áp thuế CBPG cuối cùng.<sup>5</sup> Do Dự thảo không quy định về việc áp thuế tạm thời hoặc đặt cọc tiền mặt đối với biện pháp chống lẫn tránh (mở rộng lệnh áp thuế cho linh kiện), thủ tục hoàn thuế quy định tại dự thảo chỉ là cái vờ. Để giải quyết vấn đề này có thể sẽ theo từng trường hợp và thiết kế ra một loạt các quy định về rà soát và hoàn thuế cụ thể với điều tra chống lẫn tránh.

### 1.3. Dự thảo lời văn New Zealand

Do không đạt được tiến triển đáng kể trong quá trình đàm phán, Tổng Giám đốc GATT- ông Arthur Dunkel triệu tập một cuộc họp để nỗ lực đàm phán hơn nữa vào cuối tháng 10/1990. Do đó, một dự thảo mới về vấn đề CBPG đã được phái đoàn New Zealand đề xuất để xây dựng một tài liệu cơ bản được các bên chấp nhận đưa vào đàm phán thêm. New Zealand đưa ra 3 dự thảo về vấn đề chống lẫn tránh- vấn đề gây tranh cãi nhất trong việc sửa đổi Đạo

luật chống bán phá giá. Dự thảo 3 của New Zealand là dự thảo mang tính đại diện. Theo đó:

- yêu cầu phải có bằng chứng về phá giá đối với lẫn tránh thượng nguồn và lẫn tránh qua nước thứ 3. Điều này phải được thực hiện bằng cách so sánh giữa giá của sản phẩm lắp ráp và trị giá thông thường của sản phẩm tương tự (bị áp thuế CBPG).

- nhà cung cấp linh kiện có thể là nhà sản xuất/xuất khẩu bị áp thuế CBPG, hoặc là nhà cung cấp mà trước đây đã cung cấp linh kiện của sản phẩm tương tự cho nhà xuất khẩu/sản xuất; và một bên tại nước xuất khẩu cung cấp linh kiện của sản phẩm tương tự thay mặt cho nhà xuất khẩu/sản xuất.

- cho phép áp biện pháp tạm thời với sản phẩm bị nghi ngờ lẫn tránh liên quan đến lẫn tránh thượng nguồn và lẫn tránh qua nước thứ 3. Quy định chi tiết liên quan đến quyền của bên liên quan, thông báo công khai, quy định về rà soát và hoàn thuế theo quy định chống bán phá giá sẽ áp dụng với các hành vi lẫn tránh nêu trên. Thuế CBPG chính thức được giới hạn chỉ để ngăn chặn hoặc bù đắp cho việc tiếp tục hoặc tái diễn thiệt hại.

Tuy nhiên, các bên đàm phán (đáng chú ý là các nước/vùng lãnh thổ định hướng xuất khẩu như Nhật Bản) đã bác bỏ đề xuất này do Dự thảo có rất nhiều điểm giống với quy định của Hoa Kỳ và EU.

So sánh với các Dự thảo trước đây:

- câu hỏi chính Dự thảo này đặt ra là liệu thuế CBPG ban đầu có thể được mở rộng cho sản phẩm bị nghi ngờ 'mới' mà không cần đưa ra kết luận về phá giá và thiệt hại mặc dù đã xem xét các tiêu chí sửa đổi.

- còn nhiều sự mơ hồ còn tồn tại trong Dự thảo này liên quan đến một số thuật ngữ quan trọng. Dự thảo chưa đưa ra được định nghĩa thống nhất, ví dụ, chưa diễn giải thuật ngữ 'bên liên quan', 'bởi hoặc đại diện cho một bên'.

- quy định về biện pháp tạm thời đưa ra một số tiêu chí mới. Theo quy định về CBPG, biện pháp tạm thời chỉ được thực hiện sau khi có kết luận sơ bộ khẳng định có phá giá và có

3 Điều 10.2, 10.3 ADA.

4 Điều 10.4 ADA.

5 Điều 10.5 ADA.



bằng chứng đầy đủ về thiệt hại.<sup>6</sup> Tuy nhiên, các tiêu chí mới trong Dự thảo này không phù hợp với ADA về các yêu cầu về kết luận sơ bộ về phá giá và bằng chứng về thiệt hại để áp biện pháp tạm thời.

#### 1.4. Dự thảo lời văn Dunkel

Sau hơn 5 năm đàm phán, năm 1991, các nhà đàm phán không thể giải quyết được sự khác biệt và không thể đạt được thoả thuận do vấn đề phức tạp và các quan điểm khác nhau. Theo đó, tháng 12/1991, ông Dunkel đã đề xuất một dự thảo lời văn cuối cùng của vòng Uruguay liên quan đến tất cả các vấn đề nhằm thúc đẩy đàm phán và đưa ra kết quả cuối cùng vào năm 1992, dưới tên gọi 'Dự thảo Đạo luật cuối cùng về kết quả của vòng Uruguay về đàm phán thương mại đa phương'. Dự thảo này đóng vai trò quan trọng trong thoả thuận cuối cùng và để đạt được kết thúc thành công cho vòng Uruguay. Dự thảo này (Dự thảo Dunkel,) đã đưa ra những thay đổi đáng kể về vấn đề chống lẩn tránh thuế.

#### - Lẩn tránh thương nguồn:

Dự thảo cho phép cơ quan có thẩm quyền mở rộng áp thuế CBPG với các linh kiện trong trường hợp lẩn tránh thương nguồn. Một số yếu tố cần được xem xét khi xác định về lẩn tránh thương nguồn, bao gồm: (i) các linh kiện/bộ phận được lắp ráp hoặc hoàn thiện đối với sản phẩm bị áp thuế CBPG; (ii) việc lắp ráp hoặc sản xuất được thực hiện bởi một bên liên quan tới hoặc hành động thay mặt một nhà xuất khẩu/sản xuất chịu lệnh áp thuế; (iii) các linh kiện/bộ phận được mua từ nhà xuất khẩu bị áp thuế CBPG, hoặc từ nhà cung cấp mà đã có lịch sử cung cấp linh kiện/bộ phận cho nhà xuất khẩu đó, hoặc từ một bên cung cấp các linh kiện thay mặt nhà xuất khẩu đó; (iv) việc lắp ráp hoặc hoàn thành tại nước nhập khẩu đã bắt đầu đáng kể và linh kiện/bộ phận nhập khẩu đã tăng đáng kể kể từ khi khởi xướng điều tra; (v) tổng chi phí của các linh kiện là hơn 70% của tổng chi phí của tất cả các linh kiện sử dụng trong hoạt động lắp ráp, hoặc, trị giá gia tăng bởi hoạt động lắp ráp ít hơn 25% của chi phí xuất xưởng của hàng hoá tương tự; (vi) có bằng chứng

phá giá nếu có thể so sánh giữa giá của sản phẩm lắp ráp/hoàn thiện và trị giá của sản phẩm tương tự; và (vii) có bằng chứng rằng việc đưa các linh kiện/bộ phận trong phạm vi thuế phá giá là cần thiết để ngăn hoặc bù đắp việc tiếp tục hoặc tái diễn thiệt hại.

Quy định về lẩn tránh thương nguồn tại Dự thảo Dunkel có một số thay đổi đáng kể so với các Dự thảo trước:

+ Một số thuật ngữ đáng lưu ý đã được xác định như 'liên quan đến hoặc hành động thay mặt' (sự thu xếp về mặt hợp đồng giữa nhà xuất khẩu/sản xuất bị áp thuế hoặc với một bên liên quan đến nhà xuất khẩu/sản xuất đó về việc bán sản phẩm lắp ráp tại nước nhập khẩu' và 'chi phí xuất xưởng' (bằng tổng của chi phí nguyên liệu, nhân công và chi phí chung của nhà máy).

+ Quy định rõ cái gì cấu thành chi phí của các bộ phận. Ví dụ, chi phí phải là chi phí mua linh kiện theo điều kiện thương mại thông thường. Nếu không có chi phí này (do các linh kiện/bộ phận được sản xuất nội bộ bởi bên lắp ráp hoặc hoàn thiện sản phẩm

6 Điều 7.1(ii), 10.1 ADA.



tại nước nhập khẩu), chi phí phải bao gồm tổng chi phí nguyên liệu, nhân công và chi phí chung của nhà máy phát sinh trong quá trình sản xuất linh kiện. Sự rõ ràng của các thuật ngữ trên là rất quan trọng vì sẽ hạn chế thẩm quyền tự quyết của cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra do đó không thể tùy tiện sử dụng các thuật ngữ này, và phải tuân theo hướng dẫn để tính toán các chi phí đồng bộ của quy định về chống lẫn tránh thuế.

+ Dự thảo này là dự thảo lần đầu tiên quy định chi tiết, ví dụ, 'chi phí của các linh kiện phải chiếm trên 70% tổng chi phí' và 'chi phí trị giá gia tăng ít hơn 25% chi phí xuất xưởng'. Tỷ lệ % đã được nêu cụ thể thay vì sử dụng 'X' hoặc 'Y' một cách chung chung như các dự thảo trước. Do những chi tiết này là quan trọng cho việc xác định có hành vi lẫn tránh hay không, các thành viên GATT cũng đã tranh cãi rất nhiều. Những tiêu chí cụ thể này, so sánh với quy định của Hoa Kỳ, là dễ dự đoán hơn. Hoa Kỳ sử dụng thuật ngữ như 'phần đáng kể...', 'quy trình...' là nhỏ hoặc không đáng kể<sup>7</sup> và không có diễn giải chi tiết, do đó, trao thẩm quyền tự quyết nhiều cho cơ quan điều tra. Dự thảo cũng đưa ra tiêu chí cao hơn (phép thử 70%) so với quy định của EU (phép thử 60%).

+ Phải cung cấp bằng chứng để chỉ ra rằng các biện pháp chống lẫn tránh thuế là cần thiết để ngăn ngừa hoặc bù đắp việc tiếp tục hoặc tái diễn thiệt hại. Dù không có diễn giải chi tiết hơn về bằng chứng nào phải cung cấp, quy định này cho thấy những nỗ lực để đưa dự thảo phù hợp với hoặc tiệm cận với quy định về chống bán phá giá của GATT.<sup>8</sup>

- **Lẩn tránh qua nước thứ 3:** yêu cầu phải tiến hành điều tra cả phá giá và thiệt hại phù hợp với quy định về chống bán phá giá. Dự thảo minh họa 2 tình huống: (1) nếu đáp ứng các yếu tố (ii)-(v) trong lẩn tránh thượng nguồn, thì hành vi đó sẽ được coi là lẩn tránh qua nước thứ 3; (2) một hành vi là lẩn tránh qua nước thứ

3 nếu đáp ứng 5 yếu tố khác như sau: (i) sản phẩm bị nghi ngờ lẩn tránh được sản xuất ở hoặc xuất khẩu từ một nước thứ 3 là một sản phẩm tương tự bị áp thuế chống bán phá giá ban đầu; (ii) nhà xuất khẩu xuất khẩu sản phẩm ban đầu có lợi ích chi phối (controlling interest) đối với những nhà xuất khẩu ở nước thứ 3; (iii) sản phẩm ban đầu bị áp thuế chống bán phá giá hiện hành đã giảm kể từ khi khởi xướng điều tra CBPG và đồng thời sản phẩm bị nghi ngờ lẩn tránh từ nước thứ 3 đã tăng đáng kể; (iv) sản phẩm bị nghi ngờ từ nước thứ 3 được sản xuất ở những cơ sở đã tồn tại từ trước; (v) sản phẩm bị nghi ngờ làm giảm đáng kể tác động khắc phục của lệnh áp thuế hiện hành. Dự thảo quy định phải tiến hành cả điều tra phá giá và thiệt hại trong 2 trường hợp trên. Điều này là phù hợp với quy định về CBPG trong trường hợp áp thuế CBPG.

Quy định hồi tố của Dự thảo cũng cho phép thuế CBPG chính thức được áp với sản phẩm mà được mua để tiêu thụ ít hơn 150 ngày trước ngày áp biện pháp tạm thời. Do đó, nếu có đủ bằng chứng chứng minh 6 yếu tố đầu nêu trên của lẩn tránh thượng nguồn, biện pháp tạm thời sẽ được áp.

Bên cạnh đó, Dự thảo yêu cầu việc điều tra phải tuân thủ các điều kiện tương ứng về quyền của các bên liên quan và thông báo công khai theo quy định về CBPG. Mặt khác, mặc dù các quy định về rà soát và hoàn thuế có áp dụng với các hành vi lẩn tránh thượng nguồn nếu đáp ứng yêu cầu ADA, trong lẩn tránh qua nước thứ 3 không áp dụng quy định này.

Tuy nhiên, các nước thường sử dụng biện pháp CBPG (đặc biệt là Hoa Kỳ, EU) và các nước châu Á định hướng xuất khẩu đã không thống nhất được tiếng nói chung. Hoa Kỳ và EU cho rằng quy định tại Dự thảo là quá yếu để có thể chấp nhận. Ví dụ, phải tiến hành điều tra phá giá và thiệt hại trong trường hợp lẩn tránh qua nước thứ 3, Hoa Kỳ và EU do đó đã cho rằng các quy định này không nhằm cho các biện pháp chống lẩn tránh thuế CBPG mà là cho CBPG. Theo đó, quy định chống lẩn tránh thuế

của Dự thảo trên thực tế đánh mất ý nghĩa ban đầu của nó liên quan đến lẩn tránh. Điều này do đó đã ngăn cản Hoa Kỳ và EU đồng ý vào giai đoạn cuối cùng của vòng Uruguay. Vì vậy, Hoa Kỳ và EU có thể áp dụng các biện pháp chống lẩn tránh thuế theo nội luật của mình mà không phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Các nước châu Á theo định hướng xuất khẩu cũng không cho rằng các quy định này làm họ hài lòng, đặc biệt trong trường hợp lẩn tránh thượng nguồn. Theo quan điểm của họ, điều tra phá giá và trợ cấp mới và riêng biệt là cần thiết đối với một vụ chống lẩn tránh thuế và phải đưa ra tiêu chí về việc liệu sản phẩm mới mà bị nghi ngờ có phải là sản phẩm tương tự. Tuy nhiên, Dự thảo đã không đáp ứng được yêu cầu này và do đó bị các nước từ chối.

Mặc dù các quy định về chống lẩn tránh thuế của Dự thảo đã bị xoá khỏi kết quả đàm phán cuối cùng của vòng Uruguay liên quan đến vấn đề CBPG, Dự thảo cũng mang đến một số cách hiểu quan trọng liên quan đến biện pháp chống lẩn tránh.

Các quy định về chống lẩn tránh thuế tại Dự thảo có vai trò quan trọng khi quy định chống lẩn tránh thuế của các nước được rà soát sau vòng Uruguay. Cụ thể là đã có tác động mạnh tới EU và Hoa Kỳ mặc dù các quy định tại Dự thảo không được đưa vào thực thi.

Trước Vòng Uruguay, Đạo luật Thương mại Hoa Kỳ 1988 quy định rằng nên có sự khác biệt nhỏ giữa giá của linh kiện nhập khẩu và trị giá của sản phẩm tương tự lắp ráp khi xác định lẩn tránh thượng nguồn và lẩn tránh qua nước thứ 3. Tuy nhiên, Đạo luật về các Hiệp định Vòng Uruguay 1994 (URAA) có hiệu lực sau vòng Uruguay đã đưa ra 2 tiêu chuẩn giống với quy định tại Dự thảo. Một trong những tiêu chuẩn đó là trị giá của các linh kiện phải cấu thành một phần đáng kể của tổng trị giá của sản phẩm. Tương tự, Dự thảo quy định tổng chi phí của các linh kiện phải cấu thành hơn 70% tổng chi phí của tất cả các linh kiện sử dụng cho việc lắp ráp (phép thử 70%). Một tiêu chuẩn khác

<sup>7</sup> Mục 230 URAA.

<sup>8</sup> Đạo luật chống bán phá giá 1979 và ADA đều có quy định tương tự về việc việc áp thuế CBPG phải được giới hạn ở việc ngăn ngừa hoặc bù đắp thiệt hại.



là Hoa Kỳ làm rõ rằng quy trình lắp ráp hoặc sản xuất, thực hiện tại Hoa Kỳ hoặc một nước thứ 3 là 'nhỏ hoặc không đáng kể'. Ngược lại, Dự thảo quy định về trị giá gia tăng do hoạt động lắp ráp hoặc sản xuất phải ít hơn 25% chi phí xuất xưởng của sản phẩm gia công tương tự (phép thử 25%). Quy định của Hoa Kỳ và Dự thảo về lẫn tránh thượng nguồn và lẫn tránh qua nước thứ 3 tương đối giống nhau mặc dù có 1 sự khác biệt nhỏ về việc liệu có cần một phép thử cụ thể (phép thử 70% và 25% theo quy định của Dự thảo). Cả 2 quy định đều nhấn mạnh tầm quan trọng của quy định về trị giá gia tăng và tầm quan trọng của hoạt động gia công hoặc sản xuất. Tuy nhiên, quy định của Hoa Kỳ, so với Dự thảo, là khó dự đoán hơn và cho cơ quan điều tra nhiều quyền tự quyết hơn.

Tương tự như vậy, EU cũng đưa ra 2 tiêu chí về lẫn tránh thượng nguồn và lẫn tránh qua nước thứ 3, bao gồm (i) các linh kiện hoặc bộ phận mua từ nước phá giá cấu thành hơn 60% tổng trị giá của linh kiện lắp ráp (phép thử 60%); và trị giá gia tăng của các linh kiện thông qua quá trình lắp ráp là hơn 25% chi phí sản xuất (phép thử 25%). Phương pháp đưa ra tỷ lệ % cố định giống với Dự thảo Dunkel và cả 2 quy định đều nêu phép thử 25%. Tuy nhiên, trên thực tế quy định của Dự thảo là chặt hơn so với EU. Phép thử 60% của EU đưa ra con số % nhỏ hơn quy định tại Dự thảo về phép thử 70%. Mặt khác, cả 2 đều quy định về phép thử 25% (trị giá gia tăng) nhưng lại có sự khác biệt về thuật ngữ. Dự thảo thì quy định trị giá gia tăng lớn hơn 25% chi phí xuất xưởng (ex factory) của sản phẩm. Chi phí xuất xưởng, theo ghi chú của Dự thảo, bao gồm chi phí nguyên liệu, lao động và chi phí chung của nhà máy. Tuy nhiên, theo EU, trị giá gia tăng lớn hơn 25% chi phí sản xuất, tuy nhiên lại không quy định diễn giải chính thức. Mặc dù một số chuyên gia đã diễn giải rằng 'chi phí sản xuất' (manufacturing) là 'trị giá- theo điều kiện thương mại thông thường- của tất cả các linh kiện sử dụng' (bao gồm các linh kiện nhập khẩu, mua trong nước hoặc tự sản xuất) + chi phí lao động+ chi phí

chung nhà máy- chi phí SG&A- lợi nhuận. Điều này ngầm ngụ ý là chi phí xuất xưởng (cost of production) và chi phí sản xuất (cost of manufacturing) về cơ bản là giống nhau. Tuy nhiên, do không có diễn giải chính thức trong luật EU, cơ quan điều tra của EU trên thực tế sẽ có quyền tự quyết lớn trong việc thực thi.

Dự thảo Dunkel được cho là có xu hướng bảo hộ ít hơn, so với Hoa Kỳ và EU do không tạo cho cơ quan điều tra nhiều quyền tự quyết.

Dự thảo Dunkel có các phương pháp khác nhau đối với lẫn tránh thượng nguồn và lẫn tránh qua nước thứ 3. Khác với các Dự thảo trước, Dự thảo Dunkel yêu cầu điều tra cả phá giá và thiệt hại đối với lẫn tránh qua nước thứ 3 (phù hợp với quy định ADA). Mặt khác, đối với lẫn tránh thượng nguồn, Dự thảo lại cho phép mở rộng lệnh áp thuế CBPG áp với sản phẩm lắp ráp mà không phải điều tra phá giá và thiệt hại. Phương pháp linh hoạt này ngầm ngụ ý rằng Dự thảo tìm cách thoả hiệp giữa các nước châu Á xuất khẩu và các nước thường áp biện pháp CBPG.

Câu hỏi về việc liệu có cần phải điều tra phá giá và thiệt hại đầy đủ đối với các vụ việc chống lẫn tránh hay không đã gây ra rất nhiều tranh luận khi thảo luận về các quy định của Dự thảo. Theo quy định ADA hiện hành, thuế CBPG sẽ chỉ được áp sau khi có kết luận về phá giá và thiệt hại. Do đó, nếu thiếu điều tra phá giá và thiệt hại, việc mở rộng thuế CBPG là vi phạm. Tuy nhiên, mặt khác, việc tiến hành điều tra phá giá và thiệt hại cho từng hành vi lẫn tránh có thể dẫn tới một số vấn đề trên thực tế. Thứ nhất, tiến hành điều tra lặp đi lặp lại là một gánh nặng cho cơ quan điều tra. Nhà xuất khẩu thường dễ thay đổi sản phẩm về mặt vật lý hoặc gia công sản xuất nhỏ. Do đó, nếu điều tra đủ phá giá và thiệt hại cho từng hành vi lẫn tránh thì cơ quan điều tra sẽ bị vướng vào vòng xoáy không dứt là phải điều tra mỗi khi nhà xuất khẩu thay đổi nhỏ sản phẩm để tránh phạm vi hàng hoá được xác định.<sup>9</sup> Bên cạnh

đó, thường sẽ mất tương đối thời gian để tiến hành điều tra đầy đủ phá giá và thiệt hại. Hậu quả là, khi phát sinh hành vi lẫn tránh mới, hành vi cũ vẫn đang bị điều tra. Mặc dù vẫn chưa ra kết luận về phá giá và thiệt hại của hành vi cũ, cơ quan điều tra sẽ phải khởi xướng liên tục các cuộc điều tra tương tự để đáp ứng với vụ việc mới.

Hơn nữa, một vụ chống lẫn tránh phức tạp hơn một vụ CBPG thông thường, vì liên quan đến nhiều sản phẩm hơn (bao gồm các linh kiện khác nhau), nhiều nhà sản xuất hơn (bao gồm cả nhà sản xuất của sản phẩm ban đầu bị áp thuế CBPG; nhà sản xuất sản phẩm mới và nhà sản xuất các linh kiện khác nhau) và nhiều ngành sản xuất trong nước hơn (bao gồm ngành sản xuất sản phẩm ban đầu và ngành sản xuất sản phẩm mới). Do đó, nếu phải tiến hành điều tra cả phá giá và thiệt hại, vụ điều tra chống lẫn tránh sẽ mất thời gian hơn so với vụ CBPG. Do việc điều tra chống lẫn tránh là để chống lại kịp thời hành vi lẫn tránh và do đó khiến chính sách CBPG có hiệu lực, việc phải điều tra đầy đủ sẽ không giúp đạt được mục tiêu này. Ngoài ra, rất nhiều dữ liệu liên quan đến vụ điều tra phá giá ban đầu sẽ phải điều tra lại do vụ việc chống lẫn tránh nếu phải điều tra đầy đủ phá giá và thiệt hại. Điều này sẽ làm tốn thời gian, công sức, nguồn lực và tiền bạc của cơ quan điều tra.

Bên cạnh đó, ngành sản xuất trong nước cũng có thể phải chịu nhiều cuộc điều tra với sản phẩm mới. Theo ADA, việc khởi xướng điều tra phải do ngành sản xuất trong nước nộp đơn yêu cầu (mặc dù cơ quan điều tra có quyền tự khởi xướng nhưng rất hiếm khi cơ quan điều tra thực hiện việc tự khởi xướng). Do nhà xuất khẩu có thể lẫn tránh thuế CBPG bằng một vài phương pháp đơn giản (như thay đổi nhỏ liên tục sản phẩm), khi đó ngành sản xuất trong nước phải liên tục nộp đơn yêu cầu. Vì vậy, tính hiệu quả của biện pháp CBPG ban đầu bị giảm bởi việc khởi xướng liên tục các vụ việc mới chỉ nhằm bảo vệ tính hiệu quả của biện pháp khắc phục được thiết lập ở vụ điều tra CBPG trước đó. Điều này cuối cùng dẫn tới việc ngành sản xuất

<sup>9</sup> G/ADP/IG/W/14 27/10/1998, Quan điểm của Hoa Kỳ.

trong nước sẽ nản trong việc yêu cầu áp dụng biện pháp CBPG và về mặt dài hạn sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống CBPG.

### **1.5. Quyết định của các Bộ trưởng về chống lẩn tránh thuế (1993)**

Quyết định của các Bộ trưởng về Chống lẩn tránh thuế vào ngày 15 tháng 12 năm 1993: “Lưu ý rằng trong khi vấn đề lẩn tránh thuế chống bán phá giá trở thành một phần của các đàm phán trước Hiệp định thi hành Điều VI Hiệp Định GATT 1994, các đàm phán này đã không thể được thống nhất bằng văn bản cụ thể. Lưu ý về mong muốn được áp dụng một quy định chung về vấn đề này sớm nhất có thể. Quyết định chuyển vấn đề này cho Ủy ban Chống bán phá giá thực thi theo Hiệp định Chống bán phá giá để giải quyết.”

Cả EU và Hoa Kỳ đều cho rằng quyết định này cho phép áp dụng pháp chống lẩn tránh thuế (mặc dù Quyết định Bộ trưởng này và quy định của GATT về CBPG không quy định như vậy) mà ngược lại GATT và WTO quy định rằng không được áp dụng biện pháp CBPG với hàng xuất khẩu từ Thành viên khác nếu không tuân theo các điều kiện của GATT 1994 và ADA. Quan điểm của EU và Hoa Kỳ là Quyết định này cần được diễn giải là cho phép “các Thành viên riêng lẻ được xử lý vấn đề lẩn tránh một cách đơn phương, kể cả khi không có phương hướng giải quyết đa phương của Ủy ban Chống bán phá giá” do không có quy định nào cấm biện pháp chống lẩn tránh thuế. Hoa Kỳ cũng quan điểm như vậy với lý do rằng Quyết định Bộ trưởng được ban hành trong bối cảnh biết rằng rất nhiều Thành viên đã có quy định nội luật về chống lẩn tránh thuế.

### **2. Dự thảo Điều 9bis về lẩn tránh thuế trong Hiệp định Chống bán phá giá WTO (ADA)**

Tháng 4 năm 1997, Ủy ban về Chống bán phá giá tổ chức một nhóm không chính thức về Chống lẩn tránh thuế để thảo luận về vấn đề « cái gì cấu thành hành vi lẩn tránh », trong đó EU, Hoa Kỳ, Canada, Hong Kong, Nhật Bản và Thổ Nhĩ Kỳ đã tham gia

thảo luận.<sup>10</sup> EU trả lời câu hỏi này theo quy định nội luật của mình. Hoa Kỳ cũng đưa ra những ví dụ về các hành vi mà Hoa Kỳ cho rằng là các trường hợp rõ ràng về lẩn tránh. Tuy nhiên, Nhật Bản và Hong Kong đều cho rằng quy định hiện tại của GATT/WTO về CBPG là đủ để xử lý các tình huống này, ví dụ trong trường hợp thay đổi nhỏ về sản phẩm, Nhật Bản và Hong Kong cho rằng hành vi này có thể xảy ra vì các lý do hợp lý về kinh doanh, ngoài ra, nếu một sản phẩm sửa đổi không nằm trong phạm vi sản phẩm vụ việc điều tra CBPG/CTC ban đầu, thì cách giải quyết sẽ là mở một cuộc điều tra CBPG/CTC mới với sản phẩm này. Cách duy nhất để tránh tình huống này là đưa ra phạm vi sản phẩm chính xác trong vụ việc ban đầu để bao gồm cả sản phẩm thay đổi. Đối với trường hợp lẩn tránh thông qua lắp ráp, Nhật Bản và Hong Kong cho rằng quy định hiện tại có thể được sử dụng để xử lý các linh kiện nhập khẩu và không cần phải có quy định mới, ngoài ra, trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng toàn cầu hoá thì có thể có những lý do khác nhau không liên quan đến lệnh áp thuế để biện minh cho sự thay đổi quy trình sản xuất. Hong Kong cho rằng theo nguyên tắc phân loại hải quan quốc tế, những linh kiện mà có đặc điểm cơ bản giống với thành phẩm thì sẽ cùng mã hải quan với sản phẩm, do đó một lệnh áp thuế với thành phẩm có thể bao gồm cả bán thành phẩm/linh kiện đó.<sup>11</sup>

Vấn đề lẩn tránh thuế đã được thảo luận trong vòng đàm phán Doha và bản Dự thảo Hợp nhất của Hiệp định ADA ngày 30 tháng 10 năm 2007 khuyến nghị giới thiệu quy định 9bis liên quan đến lẩn tránh thuế trong Hiệp định ADA. Không có sự đồng thuận (theo điều 9) về việc có cần quy định cụ thể về chống lẩn tránh thuế trong Hiệp định ADA hay không.

<sup>10</sup> EU: G/ADP/IG/W/1, 3/10/1997; Hoa Kỳ: G/ADP/IG/W/2, 8/10/1997; Canada: G/ADP/IG/W/3, 23/10/1997; Hong Kong: G/ADP/IG/W/8, 28/4/1998; Nhật Bản: G/ADP/IG/W/9, 30/4/1998; Thổ Nhĩ Kỳ: G/ADP/IG/W/10, 22/9/1998.

<sup>11</sup> Điều này có thể đúng nếu các linh kiện sản phẩm được nhập khẩu cùng một lúc nhưng nếu bị tách ra trong các lô hàng khác nhau thì có thể lẩn tránh được.

Dự kiến Điều 9bis của Hiệp định ADA quy định rằng cơ quan điều tra chỉ có thể xác định lẩn tránh thuế nếu xác định được:

+ Sau khi khởi xướng cuộc điều tra áp dụng biện pháp CBPG hiện tại, lượng nhập khẩu sản phẩm từ các quốc gia chịu thuế đã bị thay thế (thay thế một phần hoặc thay thế tất cả).

+ Nguyên nhân chính của thay đổi này là do thuế CBPG hiện áp chứ không phải một yếu tố thương mại hay kinh tế nào khác không liên quan đến thuế này.

+ Lượng nhập khẩu thay thế hàng nhập khẩu thuộc đối tượng áp thuế làm giảm hiệu quả phòng vệ thương mại của thuế này.

Dự kiến Điều 9bis Hiệp định ADA xác định 3 loại lẩn tránh thuế:

+ Nhập khẩu từ những nước chịu thuế chống bán phá giá những bộ phận hoặc dạng chưa hoàn thiện của một sản phẩm để lắp ráp hoặc hoàn thiện sản phẩm thuộc đối tượng áp thuế.

+ Hàng hóa nhập khẩu tương tự như sản phẩm thuộc đối tượng chịu thuế và được lắp ráp, hoàn thiện ở nước thứ 3 từ các bộ phận hoặc dạng chưa hoàn thiện của một sản phẩm nhập khẩu từ nước chịu thuế CBPG hiện tại.

+ Nhập khẩu hàng hóa được điều chỉnh nhỏ từ nước là đối tượng áp thuế CBPG hiện tại.

Do thiếu khung pháp lý quốc tế đồng nhất, một số thành viên WTO đã tự ban hành các quy định về lẩn tránh thuế. Theo Nhóm lẩn tránh thuế không chính thức của WTO, việc phân tích các điều khoản chống lẩn tránh thuế của các nước có thể sẽ là điểm khởi đầu tốt để xác định cơ chế đa phương đối với vấn đề này.

Những thông tin trên về lịch sử đàm phán vấn đề chống lẩn tránh thuế tại GATT/WTO giúp có cái nhìn xuyên suốt về vấn đề chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC, cung cấp tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu về nội dung này.

**THS. PHẠM HƯƠNG GIANG**  
(Cục Phòng vệ thương mại)





## Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung: WTO đã có thể là phương thức tốt hơn?

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung do Mỹ bắt đầu từ giữa năm 2018 thông qua việc áp thuế lên nhiều mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc vào thị trường Mỹ là phương thức chính quyền Tổng thống Donald Trump sử dụng để đáp trả các hành vi thương mại “không lành mạnh” của Trung Quốc. Bên cạnh các tác động khác về kinh tế - xã hội, động thái này của chính quyền Mỹ làm dấy lên quan ngại về vai trò của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế khi Mỹ, một quốc gia thường xuyên sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO, và Trung Quốc, một gương mặt không lặn chìm gì trong các tranh chấp thương mại quốc tế, lại không đưa động thái nào tới cơ chế này mà thẳng tay đơn phương áp thuế và áp thuế trả đũa.

### *Mỹ cáo buộc những gì?*

Chính quyền Tổng thống Trump cáo buộc Trung Quốc phân biệt đối xử một cách có hệ thống nhằm vào các sản phẩm và nhà sản xuất nước ngoài tại Trung Quốc và không trao cho các công ty Mỹ quyền tiếp cận thị trường

tương xứng. Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra cam kết về việc nối lỏng tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong nhiều lĩnh vực khi gia nhập WTO, tuy nhiên, những cam kết này đều chỉ được thực hiện một cách hời hợt.

Đồng thời, Mỹ cáo buộc rằng, chính quyền Trung Quốc, bằng những thoả thuận ngầm, đang buộc công ty Mỹ phải chuyển giao công nghệ cho các đối tác Trung Quốc trong liên doanh để đổi lấy cơ hội tiếp cận thị trường Trung Quốc rộng lớn và đầy tiềm năng phát triển. Mỹ cũng cáo buộc Trung Quốc tìm mọi cách chiếm lấy công nghệ tiên tiến, phát triển của Mỹ thông qua các phương thức như nhập khẩu công nghệ hay thậm chí ăn cắp công nghệ. Một phương thức nữa được các công ty lớn của Trung Quốc sử dụng để có công nghệ cao của Mỹ là thông qua mua bán, sáp nhập với các công ty Mỹ.

Một cáo buộc khác của Mỹ, cũng liên quan đến vấn đề sở hữu trí tuệ (SHTT), là tình trạng xâm phạm bản quyền nghiêm trọng ở Trung Quốc, đặc biệt là đối với bản quyền do các công ty Mỹ sở hữu, gây nên thiệt hại hàng trăm tỷ USD lợi nhuận mỗi năm<sup>1</sup> cho các công ty này do việc ăn cắp bí mật thương mại từ phía Trung Quốc. Điều này xuất phát từ “khả năng” bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ rất yếu ớt của hệ thống pháp luật Trung Quốc.

#### ***Vì sao Mỹ không sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO***

Chính quyền của Tổng thống Trump nhận định rằng WTO đã thất bại trong việc giải quyết các hành vi thương mại không lành mạnh của Trung Quốc trong khi vấn đề này đang trở nên ngày một trầm trọng hơn. Và rằng WTO hoàn toàn tê liệt trong việc giải quyết các tranh chấp, hạn chế trợ cấp và hưởng Trung Quốc tới nền kinh tế thị trường theo như tầm nhìn khi quốc gia này gia nhập WTO vào năm 2001. Thậm chí, đã có lúc Mỹ nhìn nhận việc chấp thuận cho Trung Quốc gia nhập WTO khi đó là một sai lầm.<sup>2</sup>

Các học giả quốc tế, khi nghiên cứu vấn đề này, cũng bày tỏ quan ngại rằng WTO đang gặp khó khăn để thay đổi phù hợp với một Trung Quốc đang phát triển. Các học giả cũng nhận định rằng cơ chế giải quyết tranh chấp WTO đã và sẽ giải quyết một cách có hiệu quả nhiều tranh chấp thương mại quốc tế, tuy nhiên, hệ thống nào cũng có những hạn chế nhất định. Và do vậy, nếu Trung Quốc vẫn phát triển theo con đường hiện nay, thể chế WTO sẽ dần dần bị suy yếu.

Một lập luận khác của Mỹ khi đơn phương áp thuế lên hàng hoá Trung Quốc là Trung Quốc luôn gian lận và do vậy, các quy tắc hay phán quyết của WTO đều không có tác dụng gì<sup>3</sup>. Trong khi đó, Mỹ muốn gây sức ép mạnh mẽ, chủ động và tức thời lên Trung Quốc, và cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO không thể đáp ứng được yêu cầu này.

#### ***Các lo ngại của Mỹ là có căn cứ, nhưng hành động hiện giờ của Mỹ chưa chắc đã là cách tốt nhất***

Những năm gần đây, sự cạnh tranh giữa 2 siêu cường Trung Quốc và Mỹ ngày càng trở nên gay gắt trong bối cảnh sức mạnh của Mỹ có dấu hiệu suy giảm trong khi Trung Quốc đang phát triển mạnh mẽ và bộc lộ tham vọng thay thế vai trò của Mỹ trên trường quốc tế. Tham vọng này của Trung Quốc là hoàn toàn tự nhiên và chính đáng, khi mà Trung Quốc, cũng như tất cả các quốc gia khác đều có quyền cạnh tranh để tăng giá trị của họ trong nền kinh tế toàn cầu rộng lớn. Các chính sách của một quốc gia không nên được đưa ra nhằm mục đích kìm hãm sự phát triển của một quốc gia khác, vì suy cho cùng, sẽ chẳng bên nào có lợi.

Đơn cử, hành động áp thuế đơn phương của chính quyền Donald Trump có thể coi là hành động mạnh mẽ nhất cho tới nay để thực hiện chính sách bảo hộ mậu dịch “nước Mỹ trên hết” và “làm nước

Mỹ vĩ đại trở lại” mà vị Tổng thống này đã theo đuổi từ ngày nhậm chức. Ông Trump cũng kỳ vọng sẽ gây áp lực buộc Trung Quốc phải có những chính sách để giảm thâm hụt thương mại với Mỹ. Tuy nhiên, theo các phân tích được đưa ra gần đây, thâm hụt thương mại năm 2018 của Mỹ không những không sụt giảm mà còn gia tăng (tháng 6/2018 con số này là 33,4 tỉ USD, tháng 12/2018 thâm hụt thương mại Mỹ-Trung là 36,8 tỉ USD và cả năm 2018, mức thâm hụt đạt con số kỷ lục là 419,2 tỉ USD)<sup>4</sup>. Một trong các nguyên nhân được đưa ra là các nhà nhập khẩu Mỹ do quan ngại về tình hình chiến tranh thương mại không biết khi nào sẽ chấm dứt hoặc có trở nên trầm trọng hơn không nên đã tăng cường nhập khẩu hàng hoá từ Trung Quốc.

Một trong những nguyên nhân khác là do tác động của cuộc chiến tranh thương mại khiến kinh tế Trung Quốc phát triển chậm lại và do đó, khiến người Trung Quốc cũng giảm nhu cầu tiêu dùng hàng hoá nhập khẩu (bao gồm cả hàng Mỹ) và các dịch vụ có yếu tố nước ngoài (như du lịch, du học). Trung Quốc là một thị trường lớn, và do vậy, tác động do nhu cầu giảm là không nhỏ.

Các tác động khác đến nền kinh tế Mỹ có thể tóm lược bao gồm ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp tới người dân Mỹ, các doanh nghiệp nhập khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu của Mỹ và người tiêu dùng quốc tế muốn sử dụng hàng Mỹ. Người chịu ảnh hưởng tiêu cực, dù ít hay nhiều, trực tiếp hay gián tiếp vẫn sẽ là người Mỹ. Và thời gian chịu tác động là bao lâu dường như thật khó đoán trước.

Nhiều phân tích chỉ ra rằng thực chất mức thuế suất không có cơ sở pháp lý rõ ràng này của Mỹ chỉ nhằm gây sức ép buộc chính quyền Trung Quốc phải cải thiện những vi phạm liên quan về SHTT mà Mỹ cáo buộc, để kìm hãm sự phát triển của Trung Quốc và bảo toàn vị thế của Mỹ.

#### ***WTO hoặc biện pháp đa phương khác có thể là một phương thức tốt hơn***

3 Thực tiễn các phán quyết trung thẩm của WTO chỉ có giá trị loại bỏ hành vi vi phạm và không có giá trị áp dụng hồi tố đối với những sai phạm trước đó. Vì vậy đây là điểm yếu lớn nhất trong Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO và nó không có tác dụng ngăn chặn việc các nước thành viên liên tục thực hiện những vi phạm.

1 Theo ước tính từ Ủy ban Sở hữu Trí tuệ tại <http://ipccommission.org/>

2 Theo báo cáo năm 2017 của USTR về sự tuân thủ của Trung Quốc đối với các quy tắc WTO.

4 Số liệu từ trang <https://www.census.gov/foreign-trade/balance/c5700.html>



*Trong phạm vi bài viết này, tác giả không xét tới các vấn đề liên quan tới việc giảm sút về hiệu quả hoạt động của cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO do thiếu hụt nhân sự.*

Như đã đề cập ở trên, việc tấn công thương mại nhằm kìm hãm sự phát triển của Trung Quốc sẽ có thể mang tới nhiều thiệt hại khó lường trước do các tác động trực tiếp và gián tiếp lên chuỗi cung cầu thế giới. Thay vào đó, việc sử dụng các phương thức khác, mang tính định hướng và khuyến khích Trung Quốc phát triển theo hướng tuân thủ các quy tắc thương mại quốc tế và mở cửa thị trường sẽ mang đến tác động tích cực hơn. Cụ thể như sau:

Việc chuyển giao quyền SHTT như trong các cáo buộc của Mỹ có thể làm giảm lợi nhuận của các công ty sản xuất hay nắm giữ quyền SHTT, nhưng dưới góc nhìn của người tiêu dùng, đây có thể lại là một điều có lợi, vì khi công nghệ được phổ biến hơn, mức độ cạnh tranh cũng tăng, người tiêu dùng sẽ có cơ hội tốt hơn để tiếp cận sản phẩm có chất lượng tốt với giá thành phải chăng. Các thành viên của WTO đã nỗ lực để cân bằng giữa phổ biến kiến thức nhằm thúc đẩy phát triển và bảo hộ quyền SHTT bằng Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS).

Tất nhiên, các hành vi như ăn cắp bí mật kinh doanh từ đối thủ cạnh tranh hay các chính phủ đưa ra các chính sách bảo hộ thường thấy như áp thuế và trợ cấp trái với quy tắc quốc tế đã được đồng thuận cần phải được chấn chỉnh nhưng bên cạnh đó, các công ty bất kể là trong nước hay nước ngoài nên có quyền mua các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh để nghiên cứu, thuê người cũ của các đối thủ và thậm chí là mua lại đối thủ một cách hợp pháp. Nếu các công ty Mỹ đang cạnh tranh theo phương thức này trong phạm vi nước Mỹ và trên khắp thế giới, các công ty Trung Quốc cũng nên được làm tương tự. Như đã nói ở trên, nhu cầu phát triển và chạy đua công nghệ của Trung Quốc là nhu cầu chính đáng và không nên bị cấm đoán hay đối xử không công bằng.

Thêm vào đó, khi Trung Quốc bắt đầu bước vào cuộc đua phát triển

công nghệ, các quốc gia khác đều đã đi được một đoạn đường đáng kể. Vì vậy, không có lý do gì để Trung Quốc phải đi lại từng bước ban đầu, mà không phải là thừa hưởng, học tập, nghiên cứu các công nghệ tiên tiến mà các quốc gia khác đã có, để tiếp tục phát triển.

Các quy tắc về thương mại quốc tế cần thúc đẩy sự phát triển thông qua cạnh tranh lành mạnh và hạn chế các hành vi gây hại. Cụ thể là các quy tắc nên mở đường cho các công ty Trung Quốc nghiên cứu và xem những tiến bộ từ các quốc gia khác làm động lực và cảm hứng, đồng thời buộc cả chính quyền và các công ty Trung Quốc phải “chơi theo luật”.

Trên thực tế, các quy tắc hiện thời của WTO có thể đáp ứng được yêu cầu trên, tuy nhiên, vấn đề nằm ở chỗ hiện nay số lượng các khiếu nại chống lại Trung Quốc vẫn ở mức hạn chế. Phần lớn các hành vi thương mại có vẻ gây quan ngại chưa từng được đưa ra WTO, ví dụ như các hành vi được coi là vi phạm trong lĩnh vực SHTT.

Một lý do khác để đặt niềm tin vào WTO là ở mức độ tuân thủ của Trung Quốc đối với các phán quyết WTO chống lại họ từ trước tới nay. Trung Quốc gia nhập WTO từ năm 2001. Tính từ năm 2004 tới năm 2018, có tổng cộng 41 vụ việc được đưa ra WTO với tổng cộng 27 cáo buộc vi phạm các quy định WTO như: hạn chế xuất khẩu, trợ cấp, bảo vệ quyền SHTT, phân biệt đối xử về thuế, phí, quyền hoạt động thương mại, dịch vụ và các biện pháp phòng vệ thương mại. Trong số 41 vụ việc đó, 21 vụ việc đã được xử lý xong thông qua một số giải pháp như: (i) Trung Quốc tự nguyện thực thi; (ii) thông qua một thỏa thuận song phương và (iii) thực thi theo phán quyết của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm của WTO. Trong một vài trường hợp, tuy đã có phán quyết của cơ quan giải quyết tranh chấp, nhưng Trung Quốc trì hoãn thực thi và do đó dẫn tới những khiếu nại về việc tuân thủ phán quyết; Trung Quốc chỉ tuân thủ sau khi có phán quyết của Cơ quan Phúc thẩm. Tuy nhiên, Trung Quốc không phải là quốc gia duy nhất gặp phải các khiếu nại này.

Bức tranh toàn cảnh về phản ứng của Trung Quốc đối với những vụ việc tranh chấp tại WTO như tóm tắt ở trên rất giống với các quốc gia khác trong hoàn cảnh bị khởi kiện: Trung Quốc đã nỗ lực để tuân thủ, tuy vẫn tồn tại nhiều tranh cãi. Việc Trung Quốc có thực sự tuân thủ các phán quyết của WTO vẫn còn là nghi vấn; nhiều ý kiến cho rằng đó chỉ là “trên giấy tờ”. Tuy vậy, chưa từng có trường hợp nào Trung Quốc hoàn toàn “phớt lờ” các phán quyết chống lại mình, như một vài quốc gia khác. Đơn cử, Mỹ vẫn chưa tuân thủ phán quyết của WTO trong vụ kiện trợ cấp ngành bông do Bra-xin khởi xướng, và Liên minh Châu Âu cũng vẫn không chấp thuận việc bán thịt bò biến đổi gen ngay cả khi đã thua trong vụ kiện với Mỹ và Canada. Các phân tích trên đây cho thấy, việc khởi kiện Trung Quốc tại WTO là có kết quả. Tất nhiên, không phải trường hợp nào cũng được như mong đợi nhưng vấn đề tương tự cũng xảy ra với các quốc gia khác.

Tuy nhiên, vẫn có ý kiến tỏ ra e ngại về mức độ phù hợp của WTO trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại với Trung Quốc do sự thiếu minh bạch trong quản lý của chính quyền quốc gia này. Sự mập mờ, rối rắm trong hệ thống pháp luật và quản lý nhà nước là nguyên nhân khiến cho các quốc gia khác gặp phải rất nhiều khó khăn để nhận biết được khi nào chính quyền Trung Quốc đưa ra những biện pháp bị cấm trong khuôn khổ quy định của WTO. Cũng dường như vì lý do này, chính quyền của Tổng thống Trump nhận định rằng việc quyết định đơn phương áp thuế trừng phạt đối với Trung Quốc đơn giản hơn rất nhiều so với việc khởi xướng một vụ kiện tại WTO.

Vấn đề này, thực chất, hoàn toàn có thể được giải quyết khá đơn giản bằng cách vận dụng các quy định của WTO.

*Thứ nhất*, phạm vi các biện pháp có thể bị khiếu nại theo các quy định của WTO là rất rộng, không chỉ giới hạn ở luật và các quy định mà còn bao gồm cả các “hành vi và thiếu sót của các cơ quan nhà nước, bao gồm cả các cơ quan ở địa phương”. Theo đó,

phạm vi khiếu nại bao gồm cả hành vi của chính quyền trung ương và địa phương, các hành vi của chính phủ đan xen với công ty nhà nước và công ty tư nhân.

*Thứ hai*, quy định của WTO bao gồm nhiều yêu cầu về việc báo cáo, và theo đó, chính quyền Trung Quốc phải công khai chính sách của mình. Nếu Trung Quốc thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu này, chính quyền Mỹ sẽ có căn cứ để khởi kiện khi thấy có chính sách vi phạm cam kết. Ngược lại, nếu không thực hiện, Trung Quốc sẽ bị coi là vi phạm quy định.

### **Kết luận**

Hiện nay, các vấn đề gây tranh cãi đều xoay quanh Trung Quốc nhưng vấn đề sẽ không dừng lại ở đó. Việt Nam, Ấn Độ, và nhiều quốc gia khác nữa đều đang trên đà phát triển và không ai có thể khẳng định những vấn đề nêu trên sẽ không lặp lại. Do đó, việc hướng Trung Quốc phát triển trong khuôn khổ các quy tắc quốc tế đã được đặt ra sẽ tạo tiền đề cho các quốc gia khác sau này và mang lại lợi ích dài lâu cho kinh tế quốc tế. Các quy tắc sẵn có nên được tận dụng tối

đa để giải quyết các vấn đề, và nếu như có những vấn đề phát sinh khác, các quốc gia nên ngồi lại với nhau, đàm phán, thỏa hiệp để bổ sung các quy tắc mới. Việc giải quyết tranh chấp và định hướng phát triển như vậy sẽ giúp cho mục tiêu tự do hoá thương mại và bảo đảm phát triển kinh tế quốc tế ổn định và bền vững hơn.

Tất nhiên, Mỹ có thể tiếp tục sử dụng vị thế lớn mạnh của mình, ngang nhiên áp thuế và gây sức ép thương mại lên các quốc gia khác để đòi hỏi những gì chính quyền Mỹ coi là tốt nhất vì nước Mỹ, nhưng việc đó cũng sẽ mang đến những hậu quả khó lường trước. Suy cho cùng, chẳng quốc gia nào muốn mà với quốc gia khác, mạnh mẽ, nhưng không thích chơi theo luật. Và các quốc gia cũng có thể sẽ nhận ra rằng, nếu không có Mỹ, nhiều chuyện vẫn có thể xảy ra, như việc ký kết Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP/CPTPP) chẳng hạn!

### **Tài liệu tham khảo**

*Disciplining China's Trade Practices at the WTO: How WTO Complaints Can Help Make China*

*More Market-Oriented*, J. Bacchus, S. Lester, H. Zhu.

*Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung: Nguyên nhân và phương thức các nước áp dụng*, TS. Lê Quốc Phương.

*New York Times: Mỹ "thâm hụt kép" cả thương mại và ngân sách vì vòng luẩn quẩn mà Tổng thống Trump đã tạo ra với Trung Quốc*, Nguyễn Thái Quỳnh Trang.

*Why is the U.S. accusing China of stealing intellectual property?*, Sunny Oh.

*2017 Report to Congress on China's WTO Compliance*, United States Trade Representative.

*US says China WTO membership was a mistake*, Shawn Donnan.

*Understanding Trump's Trade War*, Douglas Irwin.

(Bài viết thể hiện quan điểm riêng của tác giả, không thể hiện quan điểm của Cục Phòng vệ thương mại)

**TRẦN HOÀNG MAI**

**(Cục Phòng vệ thương mại)**





# TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO

Trung tâm Thông tin và Cảnh báo là đơn vị trực thuộc Cục Phòng vệ thương mại được thành lập theo quy định tại Quyết định số 3752/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thuộc Cục Phòng vệ thương mại;

## NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Tổ chức, xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về phòng vệ thương mại;
2. Xây dựng, vận hành và quản lý mạng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử của Cục;
3. Phát triển các hoạt động dịch vụ thông tin phục vụ yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Cục trưởng;
4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong, ngoài Cục biên tập, phát hành các ấn phẩm định kỳ giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chính sách có liên quan về lĩnh vực phòng vệ thương mại và các hoạt động khác của Cục.
5. Vận hành, duy trì và phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của Cục;
6. Chủ trì công tác cảnh báo sớm các vụ việc chống bán phá giá đối với hàng Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài.
7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chính sách có liên quan đến phòng vệ thương mại;
8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác phòng vệ thương mại;
9. Tổ chức khảo sát, điều tra các lĩnh vực liên quan đến phòng vệ thương mại;
10. Tham gia hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị thuộc Cục trong công tác nghiên cứu và phân tích thông tin theo chỉ đạo của Cục trưởng;
11. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin về phòng vệ thương mại;
12. Tìm kiếm các nguồn hỗ trợ trong nước và quốc tế để thực hiện nhiệm vụ được giao;
13. Quản lý tổ chức, biên chế, tài chính và tài sản được giao theo quy định;
14. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Cục trưởng và theo quy định của pháp luật.



BỘ CÔNG THƯƠNG  
**CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**